

Chủ biên : GS-TS VŨ CAO THÁI

DANH MỤC

CÁC LOẠI PHÂN BÓN LÁ

ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM

(Được Bộ Nông nghiệp - Phát triển Nông thôn
cho khảo nghiệm chính qui và cho phép lưu hành)



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

chợ 736

Chủ biên : GS-TS VŨ CAO THÁI

DANH MỤC
CÁC LOẠI PHÂN BÓN LÁ
ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM

(Được Bộ Nông nghiệp - Phát triển Nông thôn
cho khảo nghiệm chính qui và cho phép lưu hành)

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

Hà Nội, 1999

Biên soạn :

1. KS. NGUYỄN TIẾN SAN - Tổng biên tập
2. KS. NGUYỄN MAI OANH - Thư ký thường trực
3. KS. NGUYỄN THẾ HÙNG
4. KS. ĐỖ THỊ DUNG

MỤC LỤC

Trang

1. Lời nói đầu :	
2. Các loại phân bón lá được cấp phép năm 1995	7
3. Các loại phân bón lá được cấp phép năm 1996	13
4. Các loại phân bón lá được cấp phép năm 1997	21
5. Các loại phân bón lá được cấp phép năm 1998	54

Lời nói đầu

Phân bón lá, từ lâu nay đã được thừa nhận là một dạng phân hữu ích tác động nhanh chóng đến cây trồng, đặc biệt sau khi cây gặp điều kiện bất thuận như úng, ngập, hạn, sâu bệnh v.v... làm tăng năng suất cây trồng đáng kể. Vì vậy trên thị trường nước ta hiện có hàng trăm loại phân bón lá của các nhà sản xuất thuộc đủ các thành phần kinh tế. Người nông dân và các nhà trồng trọt nay có điều kiện để lựa chọn những mẫu mã phù hợp với từng loại cây trồng từng giai đoạn sinh trưởng trên từng loại đất và theo khả năng đầu tư kinh tế của mình.

Thời gian vừa qua, bên cạnh những nhãn hiệu phân bón lá có chất lượng tốt, đã qua sự khảo nghiệm của các tổ chức khoa học nông nghiệp có thẩm quyền và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép lưu hành trên thị trường, cũng đã xuất hiện một số loại phân bón lá chưa đảm bảo chất lượng, ảnh hưởng không tốt đến phẩm chất nông sản và đất đai, môi trường, gây thiệt hại cho người sử dụng, nhất là những người thiếu những thông tin cần thiết về mặt hàng này để có sự cân nhắc, lựa chọn chính xác.

Vì vậy, được sự giúp đỡ của cơ quan quản lý là Vụ Khoa học - Công nghệ và Chất lượng sản phẩm Bộ Nông nghiệp và PTNT, Trung Tâm Thông tin Nông nghiệp và

PTNT ấn hành cuốn tài liệu "Danh mục các loại phân bón lá được phép sử dụng ở Việt Nam" trong đó tập hợp hầu hết các loại phân bón lá đã được khảo nghiệm và được Bộ Nông nghiệp và PTNT ra quyết định cho phép lưu hành và sử dụng kể từ năm 1995 đến năm 1998, không kể những loại phân bón lá khác đã lưu hành từ trước năm 1995 hoặc những loại còn đang trong quá trình khảo nghiệm hoặc sản xuất thử.

Ấn phẩm này ra đời không ngoài mục đích cung cấp thông tin cho những nhà quản lý, những người làm công tác khuyến nông, góp phần thúc đẩy ngành sản xuất phân bón lá phát triển, cũng như góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng của các nhà sản xuất và người sử dụng.

Chúng tôi rất mong nhận được sự phê bình, góp ý bổ sung của bạn đọc để ấn phẩm được đầy đủ và hoàn thiện hơn.

BAN BIÊN TẬP

CÁC LOẠI PHÂN BÓN LÁ ĐƯỢC CẤP PHÉP NĂM 1995



1. AGRICONIK.

- Được Bộ Nông nghiệp - PTNT (Bộ Nông nghiệp - CNTP) công nhận là TBKT được áp dụng rộng rãi trong sản xuất các cây trồng, theo **Quyết định số : 641 NN-KHKT/QĐ, ngày 28-8-1995.**

- Đơn vị có sản phẩm : Công ty TNHH An Bình (ABICO).

* Nguồn gốc :

Agriconik là sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu **Hormix** của Công ty Gold Mountain Ltd (Thái Lan), được Công ty ABICO nhập, pha chế, đóng gói và đưa khảo nghiệm.

* Thành phần - Hàm

lượng : Sản phẩm dạng lỏng màu vàng, gồm các nguyên tố đa, trung và vi lượng và một số chất kích thích sinh trưởng như sau :

- | | | | |
|------|-------------------|------|-------------------|
| - Cu | : 5,0 ppm (ICP) | - Zn | : 43,0 ppm (ICP) |
| - Fe | : 524,1 ppm (AAS) | - Mg | : 140,1 ppm (AAS) |



- Mn : 2,3 ppm (ICP) - Bo : 0,7 ppm (ICP)
- Ca : 30,9 ppm (AAS) - K : 68,1 ppm (AAS)
- N (NH 3%) : 2,86 (Kjeldahl) - P : 27,8 ppm (ICP)
- Sodium - O - Nitrophenol : 0,4% (GC/MS)
- Sodium - P - Nitrophenol : 5,1% (GC/MS)
- Sodium-K-Dinitrophenol :

*** Kết quả khảo nghiệm :**

Agriconik được các cơ quan nghiên cứu khoa học thử nghiệm diện hẹp và khảo nghiệm diện rộng ở cả phía Nam & phía Bắc.

- Với lúa : Các kết quả sử dụng Agriconik ở Tiền Giang, Hà Nội, Hà Tây, Hải Phòng cho thấy năng suất tăng 6-19% tùy giống & vùng đất.

- Với lạc (đậu phộng) : tại TP. Hồ Chí Minh, Hà Bắc, năng suất lạc vỏ tăng 12-18%, hạt to, tỷ lệ chắc cao hơn.

- Với rau (xà lách, bắp cải) : tại TP. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng (Đà Lạt) năng suất xà lách tăng 20-25%, bắp cải tăng 6%.

- Dùng cho chè ở Mộc Châu - Sơn La làm tăng năng suất 19%.

- Với hoa (hồng, thược dược) - ở Hà Nội, Agriconik làm tăng số lượng và đường kính hoa.

- Chế phẩm thể hiện rõ hiệu lực trên đất bạc màu, phèn mặn. Không độc hại với người và môi sinh.

*** Cách sử dụng :**

- Lúa : Có thể dùng Agriconik 1 gói/100 lít nước ngâm hạt 20-24 giờ trước khi ủ và phun 3 đợt khi lúa đẻ nhánh, làm đồng và trổ - dùng 1 gói/8 lít nước.

- Lạc (đậu phộng) : ngâm hạt trước khi gieo, dùng 1 gói/100 lít nước, ngâm 2 giờ và phun thời kỳ sinh trưởng, nở hoa - 1 gói/8 lít nước. Phun 2 lần cách nhau 7-10 ngày.

- Chè phun giai đoạn vườn ươm 1 gói/24 lít nước, phun 7 ngày một lần vào buổi chiều.

- Hoa, cây cảnh : Phun khi cây đang phát triển & đang thời kỳ khai thác - 1 gói/16 lít nước 15 - 20 ngày phun 1 lần.

2. PHABELA

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT (Bộ NN & CNTP) công nhận là tiến bộ kỹ thuật được áp dụng trong sản xuất lúa theo **Quyết định số 85-NN-KHKT/QĐ, ngày 15-2-1995.**

- Đơn vị xin đăng ký khảo nghiệm : **VIPESCO** (Công ty thuốc sát trùng Việt Nam).

- *** Nguồn gốc :** Phân bón lá Phabelar có tên gốc Anh là Libspray Zii, được Công ty thuốc sát trùng Việt Nam Chi nhánh 1 Hà Nội hợp tác với hãng Allied Colloids Chemicals (Anh) và France Pacific Việt Nam tổ chức khảo nghiệm.

*** Thành phần và hàm lượng :** Sản phẩm có dạng lỏng, với hàm lượng các chất :

- Đạm tổng số (N) : 12,0%	- Kẽm (Zn) : 336 mg/kg
- Đạm urê (N) : 11,5%	- Mangan (Mn) : 163 mg/kg
- Lân hòa tan (P_2O_5) : 5,5%	- Đồng (Cu) : 163 mg/kg
- Kali (K_2O) : 4,8%	- Bo (Bo) : 84 mg/kg
- Canxi (Ca) : 0,4%	- Niken (Ni) : 56 mg/kg
- Magie (Mg) : 540 mg/kg	- Molipden (Mo) : 3mg/kg
- Sắt (Fe) : 322 mg/kg	

3. CROMIX

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT (Bộ NN & CNTP) công nhận là tiến bộ kỹ thuật, được áp dụng rộng rãi trong sản xuất, trên các cây lúa, rau, dâu tằm, chè, thuốc lá theo **Quyết định số 616 NN-KHKT/QĐ ngày 21/8/1995.**

- Đơn vị có sản phẩm : **Công ty Thuốc Bảo vệ Thực vật NICOTEX - Bộ Quốc phòng.**

1. Nguồn gốc : CROMIX có tên là "Phun Phong Thu" do Công ty TNHH Vạn Lợi Xương - Hồng Kông sản xuất, đã được sử dụng rộng rãi trên nhiều loại cây trồng ở Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan cho kết quả tốt. Từ năm 1994 - 1995 chế phẩm được Công ty Nicotex nhập vào Việt Nam và cho khảo nghiệm.

2. Thành phần - Hàm lượng : Cromix có thành phần chủ yếu là NPK, các nguyên tố vi lượng như Bo, Zn, Fe, Mn ở dạng phức chất đều tan trong nước, ngoài ra còn chứa các amino axit, axit nucleic, polyhumat, Enzyme và Coenzyme.

4. NEUGOL

5. NAMDUM

6. OMAZA

7. PALANGMAI 15-15-15

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 683 NN/KHKT/QĐ** ngày 12/9/1995.

- Đơn vị có sản phẩm : **Công ty Mitsui (Nhật Bản)** nhập và đăng ký khảo nghiệm.

1. **Neugol** : là sản phẩm chiết xuất hoàn toàn từ **chất hữu cơ**, có chứa các nguyên tố dinh dưỡng đa, trung và vi lượng, các hoocmon, vitamin và trên 20 loại vi sinh vật. Do công ty Rangsit Agri - Economic Ltd (Thái Lan) sản xuất.

- Được gọi nhiều tên khác nhau : Neugol, Newgrow, Palmgrow, Bio-top; Wondergrow, Super Humic.

- Sản phẩm đã được đăng ký chất lượng ở Thái Lan 11/1986 và được sử dụng rộng rãi ở Thái. Neugol cũng đã có mặt ở Nhật, Malaysia, Indonesia.

- Neugol được khảo nghiệm vụ Đông Xuân 1994 - 1995 trên đất phù sa Sông Hồng, đất bạc màu đất Feralit phát triển trên phiến thạch sét, cho năng suất tăng có ý nghĩa đối với lúa, lạc, khoai tây, bắp cải, cà chua, chè.

2. Namdum : Là hỗn hợp hữu cơ có chứa nhiều loại aminoaxit, vitamin và các nguyên tố vi lượng có tác dụng kích thích quá trình sinh trưởng sinh dưỡng của cây.

- Sản phẩm do công ty Union Agriculture Co.Ltd (Thái Lan) sản xuất, chưa được đăng ký chất lượng tại Thái Lan.

- Các tên thương mại khác là Kai Muk Dum, Maruay.

- Namdum đã được khảo nghiệm trên đất bạc màu, trên cây lạc cho năng suất tăng 3,2 tạ/ha (17,8%), Namdum không làm tăng năng suất lạc một cách có ý nghĩa trên đất phù sa Sông Hồng.

3. Omaza :

- Sản phẩm chứa các nguyên tố trung, vi lượng với aminoaxit, protein, vitamin.

- Do công ty P. Soontorn Pattana Co. Ltd (Thai Lan) sản xuất, chưa được đăng ký chất lượng tại Thái Lan.

- Khảo nghiệm trên lúa đất phù sa sông Hồng, Omaza cho năng suất tăng 10,6%, trên đất bạc màu tăng 16,9%.

4. Palangmai 15-15-15 :

- Là dạng phân bón lá chứa NPK, tỷ lệ 15 : 15 : 15.

- Do Công ty Union Agriculture Co. Ltd (Thái Lan) sản xuất, đã được đăng ký chất lượng tại Thái Lan năm 1993.

- Khảo nghiệm trên rau bắp cải và cà chua chế phẩm đều cho năng suất tăng : cà chua 7,2%; bắp cải 12,7%.

MỘT SỐ
MẪU
CHO

CÁC LOẠI PHÂN BÓN LÁ ĐƯỢC CẤP PHÉP NĂM 1996



8. HVP-301.N

9. HVP-401.N

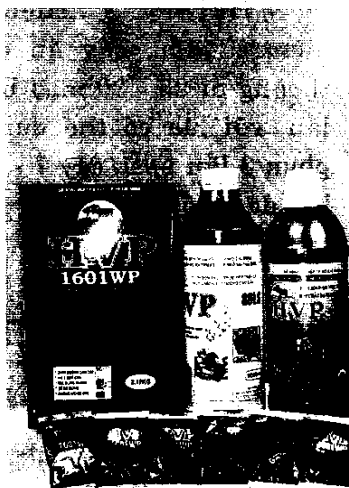
- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất nông nghiệp theo Quyết định số 1272 NN-KHCN/QĐ, ngày 30/7/1996.

- Đơn vị có sản phẩm : Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Cây trồng Thủ Đức.

1. **Nguồn gốc** : Các loại HVP đều có nền là Humat chiết xuất từ than bùn, được bổ sung các nguyên tố đa lượng và vi lượng theo tỷ lệ khác nhau cho phù hợp từng loại cây và từng loại đất.

Đều ở dạng nước màu nâu đen.

2. **Kết quả khảo nghiệm** : Chế phẩm đã được Viện Khoa học Nông nghiệp Miền Nam,



Viện Lúa ĐBSCL, Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, Trung tâm Cây ăn quả Long Định, các Trung tâm Khuyến nông Sông Bé, Tiền Giang... khảo nghiệm, cho thấy :

- HVP-301.N : Lúa tăng năng suất 13 - 18%, đậu phộng hoa hồng, thanh long tăng năng suất và chất lượng.

- HVP-401.N : Lúa tăng năng suất 12 - 18%, bắp lai tăng 18 - 26%, đậu nành tăng 33%.

3. Cách sử dụng :

- HVP-301.N : Đối với các cây nói chung, liền dùng để phun lên lá là 25-30 ml hòa trong 1 bình 8 lít nước, 5 - 7 ngày phun 1 lần. Riêng với cây ăn trái phun định kỳ 10 ngày/lần, ngưng phun 20 ngày trước khi thu hoạch.

- HVP-401.N : Hiện có các loại chuyên cho từng cây lúa, rau đậu, cây ăn quả, hoa kiểng v.v... Liều dùng thường từ 25 - 30 ml/1 bình 8 lít nước 7 - 10 ngày phun 1 lần, với lúa có thể dùng 30 - 50 ml/1 bình 8 lít nước; phun 3 lần : sau cấy 7 - 15 ngày, khi lúa làm đòng và khi bắt đầu trổ.



10. BIOTED-601

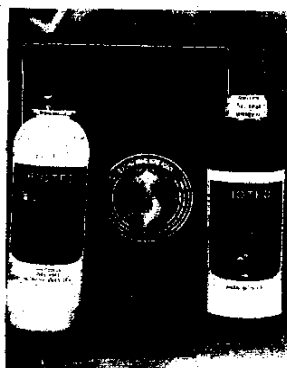
11. BIOTED-602

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất : Bioted-601 chuyên dùng cho lúa, Bioted-602 sử dụng cho cây ăn trái và hoa màu, theo Quyết định số 145 NN-KHCN/TB, ngày 25/7/1996.

- Đơn vị có sản phẩm :
Doanh nghiệp tư nhân Phát triển kỹ thuật Vĩnh Long.

1. Nguồn gốc : Cả 2 loại chế phẩm Bioted-601 và Bioted-602 đều là dạng humat, chiết xuất từ than bùn, bổ sung thêm các nguyên tố dinh dưỡng đa, vi lượng.

2. Thành phần, hàm lượng : đều ở dạng lỏng, màu đen, pH 6-7.



	Bioted-601	Bioted-602
Đạm	: 80 - 100 g/l	50 - 70 g/l
P ₂ O ₅	: 60 - 70 g/l	40 - 60 g/l
K ₂ O	: 50 - 60 g/l	40 - 60 g/l
Bô	: 80 mg/l	100 mg/l
Mg	: 250 mg/l	850 mg/l
Mn	: 40 mg/l	30 mg/l
Cu	: 50 mg/l	50 mg/l
Mô	: 10 mg/l	10 mg/l

Zn	: 70 mg/l	60 mg/l
Co	: 14 mg/l	15 mg/l
Fe	: 80 mg/l	70 mg/l
HA	: 2,5 g/l	3,0 g/l

3. Kết quả khảo nghiệm : Trong 2 năm 1995, 1996, Bioted đã được Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long, các Trung tâm khuyến nông Tiền Giang, Sông Bé, Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh khảo nghiệm trên đất phù sa, đất phèn Bioted 601 đều cho kết quả tăng năng suất lúa 10-20%, tăng thu nhập cho nông dân 500.000 - 1 triệu đ/ha. Bioted-602 đối với đậu đỗ cũng làm tăng năng suất 10-16%, bắp tăng năng suất 8-12%. Các loại cây ăn trái nhãn, cam sành, quýt tiêu, bưởi Năm Roi đều đạt năng suất, chất lượng cao.

4. Cách sử dụng :

- Bioted-601 : dùng 20ml - 40ml (1-2 nắp chai) cho 1 bình 8 lít phun cho lúa các giai đoạn 25, 35, 50, 70 ngày sau sạ.

- Bioted-602 : dùng 30 ml (1,5 nắp chai) cho 1 bình 8 lít phun cho cây ăn trái trước khi ra hoa, giai đoạn trái non và 10 ngày sau khi phun lần 2 và 10 ngày sau phun lần 3.

12. ORGAMIN

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là tiến bộ kỹ thuật được áp dụng trong sản xuất với các cây trồng : lúa, rau (bắp cải, cà chua), cây công nghiệp (cà phê, lạc), cây ăn quả, (nhãn, thanh long, nho, hồng xiêm, dổi) theo Quyết định số 473 NN-KHCN/QĐ, ngày 19-4-1996.

Đơn vị xin khảo nghiệm : Công ty thuốc sát trùng Việt Nam (VIPESCO).

*** Nguồn gốc :** Phân bón Orgamin là tên thương phẩm của loại phân bón lá Amicgrow, Energic do Pulsar International Corporation - Japan sản xuất, công ty VIPESCO đăng ký khảo nghiệm.

*** Thành phần - Hàm lượng :**

Sản phẩm ở dạng lỏng, màu xám, vị ngọt, tỷ trọng 1,14, độ pH : 4,0 - 4,5. Không chứa kích thích tố, thành phần cơ bản 65% là những chất chiết trích từ sự lên men các nguyên liệu thực vật & động vật (cá, đậu nành, lúa mì, mật mía) :

Hàm lượng : - N : 0,10% B_2O_3 : 0,35%

- K : 0,15% Zn : 0,23%

- MgO : 4,0% Mo : 0,015%

- MnO : 0,14%

Ngoài ra còn có các aminoacid, vitamin, đường và axit nucleic.

*** Kết quả khảo nghiệm :**

Orgamin được Công ty thuốc sát trùng Việt Nam phối hợp với 9 đơn vị tham gia khảo nghiệm diện hẹp và diện rộng.

Với lúa : tiến hành 2 thử nghiệm và 3 thực nghiệm ở đồng bằng sông Cửu Long, Thừa Thiên Huế, Đồng bằng sông Hồng cho thấy năng suất tăng 2-27%.

- Rau : khảo nghiệm ở ngoại thành Hà Nội, Lâm Đồng cho năng suất bắp cải tăng 16%, cà chua tăng 18,8%.

- Cây ăn quả : Orgamin dùng trên thanh long, nho tại Ninh Thuận, Bình Thuận, trên nhãn ở Tiền Giang, trên hồng xiêm, doi ở Hà Nội đều cho thấy phân ảnh hưởng tốt đến sinh trưởng, phát triển của cây, tăng tỷ lệ đậu quả, trọng lượng quả, tăng năng suất 2,5 - 33%.

- Cây công nghiệp : Khảo nghiệm diện hẹp 2 vụ mùa & hè thu 1995 trên cây cà phê ở Lâm Đồng và lạc ở Thừa Thiên Huế, Orgamin làm tăng năng suất cà phê 16%, lạc 18 - 22%.

13. NUTRA-PHOS

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT, công nhận là TBKT được áp dụng trong sản xuất với cây trồng lúa và dừa chuột theo **Quyết định số 1157-NN-KHCN/QĐ**, ngày **12-7-1996**.

- Đơn vị có sản phẩm : **Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 2 Bộ Nông nghiệp & PTNT**.

* **Nguồn gốc** : Nutra-Phos nằm trong nhóm phân bón lá Leffingwell, do hãng Shield-Brite (Hoa Kỳ) sản xuất, được nhập và khảo nghiệm ở Việt Nam từ năm 1993.

* **Thành phần - Hàm lượng** : Nutra-Phos có 3 loại có thành phần dinh dưỡng khác nhau phù hợp với các thời kỳ bón cho cây trồng gồm :

Jones LIC (Mỹ) sản xuất và phân phối ở khu vực châu Á .
Thái Bình Dương.

*** Thành phần - Hàm lượng :**

Agrostim được sản xuất từ nguyên liệu hữu cơ, rong, tảo biển, cá, thịt máu động vật khô. Tổng số tới trên 200 chất hữu cơ dưới dạng các nguyên tố dinh dưỡng đa, trung vi lượng và các aminoaxit. Ngoài mục đích cung cấp dinh dưỡng cho cây phân còn tác dụng cải tạo đất.

Phân có dạng bột, có thể dùng phun lên lá hay bón vào đất.

*** Kết quả khảo nghiệm :** Agrostim được Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, trường đại học Nông nghiệp I, Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương... khảo nghiệm năm 1995, 1996 cho kết quả rất tốt.

- Trên lúa năng suất tăng 11-13%.
- Dâu tằm năng suất lá tăng 15-27%
- Chè búp tươi tăng 12-23%
- Lạc vỏ tăng 17%

**CÁC LOẠI PHÂN BÓN LÁ ĐƯỢC
CẤP PHÉP NĂM 1997**



15. KOMIX 201

16. KOMIX 301

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 06 NN-KHCN/QĐ ngày 4/01/1997.**

- Đơn vị có sản phẩm : **Công ty Sinh hóa Nông nghiệp và Thương mại Thiên Sinh.**



CÔNG TY AN XUẤT - 426 B. Ng. Tráng Long - Q. Bình Thạnh TP. HCM ■ Tel : 434133 . Fax : 434136

*** Thành phần - Hàm lượng :** KOMIX 201 và KOMIX 301 đều có thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ được chiết xuất từ than bùn đã qua xử lý bằng các chủng vi sinh vật có ích, có bổ sung các nguyên tố vi lượng, cụ thể :

KOMIX 201	KOMIX 301
N : 2,6%	12%
P ₂ O ₅ : 7,5%	12%
K ₂ O ₅ : 2,25%	4%
Mg : 800 ppm	500 ppm
Zn : 200 ppm	150 ppm
Mn : 30 ppm	100 ppm
Bo : 50 ppm	30 ppm
Cu : 100 ppm	100 ppm

*** Kết quả khảo nghiệm :** Cũng như các loại phân Komix khác, Komix 201 và 301 đã được nhiều đơn vị khảo nghiệm như Viện Lúa DBSCL, Viện Khoa học Nông nghiệp Miền Nam, Viện Nông thôn Thổ nhưỡng, một số Trung tâm nghiên cứu, Trường đại học, Trung tâm Khuyến nông Cần Thơ, An Giang, Tiền Giang... Sông Bé, Gia Lai, Daklak, Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Hà Nội, Nam Hà, Hải Hưng, Sơn La, Hà Giang, Vĩnh Phú.

Nhìn chung trên nhiều đối tượng cây trồng, 2 loại phân cho năng suất từ 10 - 20%.

Nhà sản xuất khẳng định phân không độc hại với người và môi trường.

*** Cách sử dụng :**

- Komix 201 : pha 1 - 2 nắp trong 1 bình 8 lít nước.
- Komix 201.S : pha 4 nắp/bình 8 lít nước.
- Komix 301 : pha 1 - 2 nắp/bình 8 lít nước.
- Với lúa, bắt phun 2 - 3 lần từ khi mọc đến trước trổ và phun tiếp 1 - 2 lần sau trổ, hạt ngâm sữa.
- Với rau, đậu 7 - 10 ngày phun một lần.
- Với cây ăn trái, cây dài ngày 10 - 15 ngày phun một lần. Ngưng phun 10 ngày trước khi thu hoạch.

17. KOMIX-RC

18. KOMIX-SUPERZINC-K

19. KOMIX-VF

20. KOMIX-VG

21. KOMIX-FT

22. KOMIX-CF

23. KOMIX-FL

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 06 NN/KHCN-QĐ ngày 4/1/1997**, theo từng dạng chuyên dụng như sau :

+ Komix-RC chuyên dùng cho lúa.

+ Komix-Superzinc-K chuyên dùng cho lúa thiếu kali.

+ Komix-VF dùng cho rau ăn quả.

+ Komix-VG dùng cho rau ăn lá.

+ Komix-FT dùng cho cây ăn trái.

+ Komix-CF dùng cho cà phê.

+ Komix-FL dùng cho hoa, cây cảnh.

- Đơn vị có sản phẩm : **Công ty Sinh hóa Nông nghiệp và Thương mại Thiên Sinh.**

* **Thành phần - Hàm lượng** : Cũng như các dạng phân Komix khác, các chế phẩm chuyên dùng này đều ở dạng lỏng màu nâu đen trừ Superzinc-K dạng bột có chứa các chất hữu cơ chiết xuất từ than bùn được xử lý bằng các chủng vi sinh vật có ích và bổ sung các nguyên tố đa, vi lượng cho phù hợp với yêu cầu của từng loại cây trồng.

* **Kết quả khảo nghiệm** : Toàn bộ 7 dạng Komix chuyên dùng cũng đã được các cơ quan nghiên cứu của Bộ NN-PTNT, các Trung tâm Khuyến nông, các Trường đại học khu vực phía Bắc, miền Trung và phía Nam khảo nghiệm trên nhiều đối tượng cây trồng. Kết quả đều cho thấy ngoài việc nâng cao năng suất cây trồng, tăng tính chống chịu, các chế phẩm Komix còn nâng cao độ phì cho đất.

- Komix-RC và Komix Superzinc-K sử dụng cho lúa làm tăng năng suất 2 - 18%.

- Komix-VF dùng cho cây ăn trái, rau củ làm tăng năng suất 10,6 - 32,5%.

- Komix-VG dùng cho rau ăn lá làm tăng năng suất 11,8%.

- Komix-FT dùng cho cây ăn trái làm tăng năng suất 28,8%.

- Komix-CF dùng cho cà phê làm tăng năng suất 6,3 - 7,4%.

- Komix-FL dùng cho hoa, cây cảnh làm tăng số hoa, đường kính hoa, giữ cho hoa lâu tàn.

Nhà sản xuất khẳng định các loại chế phẩm phun lá trên đều không độc hại với người, gia súc và môi trường.

*** Cách sử dụng :**

- Komix-RC, Komix-VF, Komix-VG, Komix-FT, Komix-CF đều pha 2 nắp đầy + 8 lít nước (1 : 200), phun tùy loại cây, thời kỳ sinh trưởng.

- Với bột Komix Supèrzinc-K pha 1 gói (50g) + 6 bình 8 lít nước phun cho các cây ngắn ngày; hoặc 1 gói (50g) + 3 bình 8 lít nước phun cho các cây dài ngày.

- Komix-FL : hòa 1 nắp đầy với 8 lít nước (1 : 400) phun cho hoa, cây kiểng, phun 7 - 10 ngày/lần không phun vào hoa khi hoa nở.

24. MULTIPHOLATE

25. MICROPHOLATE

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là tiến bộ kỹ thuật, cho phép áp dụng trong sản xuất nông nghiệp, theo **Quyết định số 201/NN/KHCN-QĐ, ngày 31-1-1997.**

- Đơn vị xin khảo nghiệm : **Công ty Phosyl (Anh).**

* **Thành phần - hàm lượng** : Cả hai đều có dạng lỏng, màu nâu.

- Multipholate chứa NPK, vi lượng và iôt (1,5%).

- Micropholate : chứa N, vi lượng và iôt (1,5%).

* **Kết quả khảo nghiệm** : 2 loại phân bón lá này đã được Viện Nông hóa Thổ nhưỡng khảo nghiệm trên đất phù sa, đất bạc màu, đất đỏ vàng, đỏ bazan ở Hà Nội, Hà Tây, Hòa Bình, Đắk Lắk. Trên các cây lúa, đậu tương, rau năng suất tăng rõ rệt.

- Multipholate : làm tăng năng suất : bắp cải 24,3%; dưa chuột 19,4%; cà chua 14%; đậu tương 11,3%; lúa 8,1%.

- Micropholate làm tăng năng suất đậu tương 22% , bắp cải 16,1%, lúa 12,2%.

Nhìn chung Multipholate có hiệu quả cao với rau, Micropholate hiệu quả cao với lúa, đậu tương... Song cả 2 loại đều chưa thể hiện được việc tăng lượng iôt trong thân lá (qua phân tích khô).

Nhà sản xuất khẳng định phân không gây hại cho người, gia súc và môi trường.

26. SPRAY-N-GROW (SNG)

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT; cho phép áp dụng trong sản xuất, theo **Quyết định số 300 NN-KHCN/QĐ, ngày 28-2-1997.**

- Đơn vị xin khảo nghiệm : Phân bón lá SNG là sản phẩm của Công ty Spray-N-Gow, INC (Hoa Kỳ), được phép lưu hành ở Hoa Kỳ từ 1983, Công ty Anh Vũ đưa vào Việt Nam và xin khảo nghiệm.

* **Thành phần - Hàm lượng** : SNG dạng lỏng, ánh xanh nhạt chứa :

Ba : 0,147 ppm;	Cd : 0,115 ppm;	Ca : 196,30 ppm
Cr : 0,085 ppm;	Co : 0,024 ppm;	Cu : 12,84 ppm
Fe : 1026 ppm;	Li : 0,05 ppm;	Mg : 1009 ppm
Mn : 3,47 ppm;	Mo : 0,647 ppm;	P : 0,676 ppm
K : 3,326 ppm;	Se : 0,533 ppm;	Na : 5110 ppm
S : 1959 ppm;	Zn : 603,4 ppm;	Pd : 0,035 ppm

Không độc với người và động vật nhưng uống nồng độ đặc có thể gây ỉa chảy.

* **Kết quả khảo nghiệm** :

Chế phẩm được Trường Đại học Nông nghiệp 1 Hà Nội phối hợp với một số cơ quan khảo nghiệm trên các loại cây trồng ở 9 tỉnh : Hà Nội, Hải Dương, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Lâm Đồng, Đăklak, Ninh Thuận. Kết quả làm tăng năng suất cây trồng rõ rệt : Lúa

tăng 500-600 kg/ha, ngô tăng 1 tấn/ha; nhãn tăng 10,7%
cải xanh tăng 44%...

Trên nho, thanh long, cà phê, bông hiệu quả chưa rõ.

Chưa xác định được hiệu quả của SNG tới độ phì nhiêu
của đất và chất lượng nông sản.

Lưu ý : SNG chỉ thể hiện hiệu lực khi bón kèm với chế
phẩm bón rễ Bill's Perfect Fertilizer (BPF) cũng của Hãng
này.



27. WEHG

- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công
nhận là tiến bộ kỹ thuật được áp dụng trong sản xuất theo
Quyết định số 06/NN-KHCN/QĐ ngày 4/1/1997.

- Đơn vị có sản phẩm :
Công ty TOSECO.

1. Nguồn gốc : Chế phẩm
sinh học WEHG là sản phẩm
của Công ty Heaven's Green
(Hoa Kỳ), được Công ty
Worldwine Enterprises (Hoa
Kỳ) tiêu thụ và được sử dụng
rộng rãi ở Hoa Kỳ. Công ty
TOSECO nhập vào Việt Nam
và đưa vào khảo nghiệm từ
1994.



2. Thành phần - Hàm lượng :

WEHG có dạng lỏng, màu vàng nhạt, là sản phẩm tự nhiên 100%, trong đó :

- Chất chiết xuất từ thảo dược (Herbs) 4 hoặc 6% (nhà sản xuất bí mật công thức).
- Các khoáng chất vi lượng, chủ yếu là Borax : 0,16%.
- Dung môi và chất cố định hoạt chất dạng dầu, trong đó có 35 - 45% dầu đậu nành.

3. Đặc điểm : WEHG là dạng phân vừa bón qua lá, vừa bón vào đất.

- Chế phẩm có tác dụng rõ rệt trong việc nâng cao năng suất cây trồng. Là chế phẩm dưỡng cây thuộc thế hệ mới theo khuynh hướng tích cực bảo vệ và góp phần tạo cân bằng, ổn định môi trường.

- Bước đầu khảo nghiệm ở Việt Nam thấy có biểu hiện :

- + Cải thiện đất, gia tăng giun đất làm đất tơi xốp.
- + Giảm được lượng phân hóa học cần bón.
- + Cải thiện phẩm chất nông sản.
- + Giúp cây tăng khả năng chống bệnh.
- + Những đặc tính này đang được khảo nghiệm làm rõ thêm để có thể áp dụng rộng rãi trên các loại đất và cây trồng.

4. Kết quả khảo nghiệm :

Từ 1994, chế phẩm WEHG đã được các cơ quan nghiên cứu khoa học khảo nghiệm trên nhiều vùng ở miền Bắc, Trung, Nam trên 10 loại cây trồng.

- Với lúa : Dùng 1,2 lít WEHG có thể thay thế 1/2 lượng phân hóa học. Nếu dùng WEHG và bón đủ NPK và phân chuồng sẽ làm tăng năng suất 8 - 17%.

- Với bắp : Tình trạng tương tự như lúa.

- Với đậu nành : lạc, mía, trên nền NPK, phân chuồng đầy đủ, bón bổ sung WEHG, đa số cây cho năng suất tăng 8 - 24%.

- Với các loại rau, trên nền NPK đầy đủ, WEHG bón vào cũng làm năng suất tăng rõ rệt từ 6 - 44% (đặc biệt là với bắp cải).

- Với các loại cây ăn quả (sầu riêng, xoài, mận), WEHG làm cho cây đậu quả nhiều hơn, tăng năng suất và chất lượng quả.

5. Cách thức sử dụng :

- Lúa : pha 1 phần WEHG với 200 phần nước phun đều lên lá, thân. Hạt giống ngâm với WEHG 24 giờ trước khi gieo.

- Rau, đậu v.v... pha 1 WEHG với 240 phần nước phun đều lên lá. Hạt giống ngâm với WEHG 2 giờ trước khi gieo. Với hạt vỏ mỏng chỉ phun lên hạt chứ không nên ngâm.

- Cây công nghiệp, cây ăn trái, hoa, cây kiểng pha 1 phần WEHG với 80 - 120 phần nước.

28. MULTIPLEX

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 360/NĐ-KHCN-QĐ, ngày 28-2-1997.**

- Đơn vị xin khảo nghiệm : Multiplex do **Công ty hóa học nông nghiệp Karnataka (Ấn Độ)** sản xuất, đưa vào khảo nghiệm ở Việt Nam từ 1994.

Thành phần - Hàm lượng : Chế phẩm có 2 dạng, dạng lỏng màu xanh và dạng bột màu trắng, đều tan trong nước, đều chứa :

Zn : 6%; Cu : 0,1%; Ca : 0,1%, Mg : 0,5%;

Fe : 2%, Mo : 0,01%; Bo : 0,3% (dạng bột 0,5%).

*** Kết quả khảo nghiệm :** Multiplex được Viện Nông hóa thổ nhưỡng, Cục Khuyến nông (phía Nam), Viện Nghiên cứu chè khảo nghiệm tại Hà Nội, Vĩnh Phú, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Long An, Sông Bé, trên 8 loại cây trồng, cho kết quả tốt, làm tăng năng suất lúa - 8,4%, cà bắp 13,2%, cà chua 21%, đậu xanh 13,3%, đậu tương 16-18%, khoai tây 9%, mía 16,8 - 30% (không làm giảm lượng đường), chè 10-23,2%.

Nhà sản xuất khẳng định phân không gây hại cho người, gia súc và môi trường.

29. SUPER HUM

30. SUPER NPK 6.14.6

31. BLOOM & FRUIT

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 1189NN/KHCN-QĐ, ngày 9-6-1997.**

- Đơn vị có sản phẩm : **Hãng UAS America** nhập và xin đăng ký khảo nghiệm.

* **Thành phần - Hàm lượng** : Các chế phẩm đều thuộc dạng vừa dùng bón vào đất vừa để phun lên lá, trong đó Super Hum được chiết xuất từ cá hoặc rong biển, chứa 15% axit humic. Super NPK 6.14.6 và Bloom & Fruit ngoài chất hữu cơ trong thành phần còn chứa một số nguyên tố vô cơ (đa, vi lượng).

- Super NPK : chứa NPK theo tỷ lệ 6 : 14 : 6 và :

Bo : 0,39 ppm; Fe : 11,3 ppm; Zn : 0,11 ppm;

Co : 0,023ppm; Cu : 0,21 ppm; Mn : 0,10 ppm

Mo : 0,063 ppm.

- Bloom & Fruit chứa 6% N, 19% P_2O_5 ; 0,1% Ca, 0,2% Mg.

* **Kết quả khảo nghiệm** : Từ 1995 - 1996 các chế phẩm đã được trường Đại học Nông nghiệp 1 và Viện Nghiên cứu Ứng dụng công nghệ đưa khảo nghiệm tại Hà Nội, Nam Hà, Hà Tây. Trên lúa, lạc, đậu tương, bắp cải, su hào, xà lách nhìn chung đều thấy năng suất cây trồng tăng rõ rệt. Trên lúa bón lót Super Hum kết hợp phun Bloom & Fruit và Super NPK 6-14-6 làm tăng năng suất 19%. Các sản phẩm đã được dùng rộng rãi ở Hoa Kỳ, ở Việt Nam đã được xác định không gây độc hại cho người và môi trường.

32. SÀI GÒN - HQ

33. SÀI GÒN - VA

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là tiến bộ kỹ thuật, cho phép áp dụng trong sản xuất nông nghiệp, theo **Quyết định số 1870/NN/KHCN-QĐ, ngày 31-7-1997.**

- Đơn vị có sản phẩm : **Xí nghiệp phân bón hữu cơ Sài Gòn**

*** Thành phần - Hàm lượng :** Cả Sài Gòn-HQ và Sài Gòn-VA đều là dạng phối chế từ than bùn với nhộng tằm nên thành phần chủ yếu gồm các nguyên tố khoáng đa, vi lượng, mùn và một số axit amin từ nhộng tằm. Hàm lượng một số nguyên tố có khác nhau ở 2 loại chế phẩm.

	SGN-HQ	SGN-VA
N	6%	6%
P ₂ O ₅	4%	3%
K ₂ O	6%	3%
Mg	900 ppm	540 - 640 ppm
Bo	1100 ppm	540 - 660 ppm
Cu	450-550 ppm	180 - 220 ppm
Mn	270 - 330 ppm	270 - 330 ppm
Mo	135 - 165 ppm	90 - 110 ppm
Zn	18 - 22 ppm	540 - 660 ppm
Fe	1450 - 1650 ppm	

*** Kết quả khảo nghiệm :**

Trong 2 năm 1995 - 1997, 2 chế phẩm bón lá đều được các cơ quan nghiên cứu như Viện KHNN miền Nam, Viện Nghiên cứu Lúa Đồng bằng sông Cửu Long, Đại học Huế, Đại học Cần Thơ, các Sở Nông nghiệp - PTNT, Trung tâm Khuyến nông nhiều tỉnh từ Bắc-Trung-Nam khảo nghiệm trên nhiều loại cây. Kết quả cho thấy trên lúa ở 4 vùng có khí hậu, đất đai khác nhau, Sài Gòn-HQ làm tăng năng suất 8-15%; Sài Gòn-VA tăng 5-20%. Với các cây rau mầu Sài Gòn HQ làm tăng năng suất đậu phộng 17,8%; đậu nành 14,5%; đậu xanh 19%; bắp 9%; ớt 20,4%; cây ăn trái : cam tăng 23,5%; xoài 18,2%; nhãn 40%, Sài Gòn-VA làm tăng năng suất cà chua 11,7%; đậu phộng 15%; đậu nành 7 - 14%; cây ăn trái như chôm chôm tăng 9,5 - 12%, cam gần 50%.

Nhà sản xuất khẳng định 2 loại phân bón lá trên không gây độc hại cho người và môi sinh.

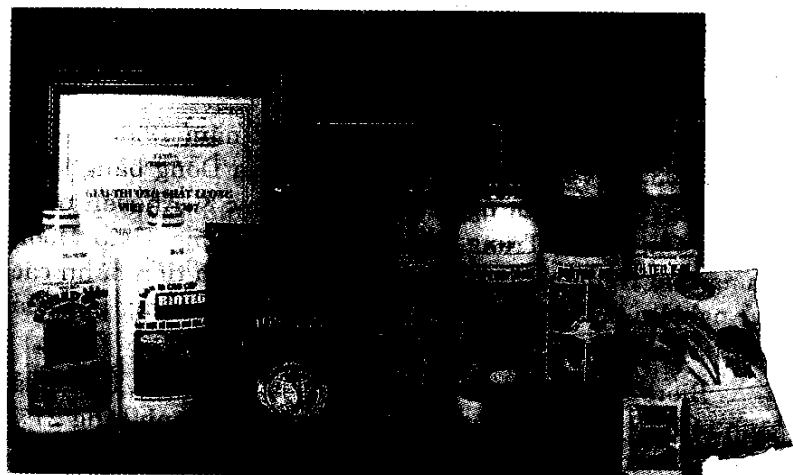


34. BIOTED-603

35. VILTED-F96

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất, trên các loại cây trồng theo **Quyết định số 2591/NN/KHCN-QĐ** ngày 11-10-1997.

- Đơn vị có sản phẩm : **Doanh nghiệp tư nhân Phát triển kỹ thuật Vĩnh Long.**



* Thành phần - Hàm lượng :

Bioted-603 và Vilted-F96 đều là sản phẩm của doanh nghiệp tư nhân Phát triển Kỹ thuật Vĩnh Long, nhà sản xuất nhập nguyên liệu về tự chế, đặc biệt ở Bioted-603 có nền dung dịch chiết xuất từ nguyên liệu tươi sống nên hiệu lực rất ưu việt, Vilted-F96 trong nền dịch chiết có axit humic (1 - 2,5%).

	BIOTED-603	VILTED-F96
N tổng số	: 7 - 8%	3 - 6%
P ₂ O ₅ hữu hiệu	: 7 - 8%	3 - 5%
K ₂ O	: 7 - 8%	2 - 4%
B	: 100 ppm	150 ppm
Cu	: 250 ppm	100 ppm
Fe	: 400 ppm	200 ppm
Mn	: 200 ppm	260 ppm
Zn	: 250 ppm	350 ppm

Mo	: 15 ppm	65 ppm
Mg	: 1700 ppm	760 ppm
Co	:	45 ppm

* **Kết quả khảo nghiệm** : Trong 2 năm 1996 - 1997, Bioted-603 và Vilted-F96 đã được Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long, Trung tâm nghiên cứu Khoa học & Khuyến nông Tp. Hồ Chí Minh; Trung tâm Nghiên cứu Đồng Tháp Mười, Trung tâm Nghiên cứu Cây ăn quả Long Định tiến hành các thử nghiệm chính quy và khảo nghiệm diện rộng, kết quả cho thấy :

- Bioted-603 làm tăng năng suất lúa 11 - 17%, hiệu quả kinh tế khá cao, đặc biệt cho năng suất đậu nành tăng 21% - dẫn đầu so với nhiều loại phân bón lá. Trên cây ăn quả làm tăng năng suất xoài 37,5%; sàpô 29%; nhãn 45%; thanh long 35%.

- Vilted-F96 : cho năng suất lúa tăng 11,5%; đậu nành 12,5%; đậu phộng cho năng suất tươi tăng 30%; bắp cải tăng 14%; rau muống tăng 27% do chiều cao cây tăng; xoài tăng 32%. Vilted còn làm tăng độ ngọt của xoài và màu vỏ đẹp hơn.

* **Cách sử dụng** : 10 - 20ml (0,5 - 1 nắp chai) cho 1 bình xịt 8 lít nước để phun cho các loại cây trồng.



36. BIOTED PB

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT được áp dụng trong sản xuất lúa, theo **Quyết định số 2591/NN/KHCN-QĐ, ngày 11-10-1997.**

- Đơn vị có sản phẩm : **Doanh nghiệp tư nhân Phát triển Kỹ thuật Vĩnh Long.**

* **Thành phần - Hàm lượng** : Nhà sản xuất nhập nguyên liệu về tự pha chế.

Là dạng phân hữu cơ khoáng (NPK, vi lượng)

- Chất hữu cơ : 15 - 25%

- N : 2 - 5%.

- P_2O_5 : 2 - 5%.

- K_2O : 2 - 4%

- Mg, Mn, Cu, Zn, B, Mo... : 10 - 860 ppm

Phân có dạng bột, không độc hại cho người và môi trường.

* **Kết quả khảo nghiệm** : Bioted PB được Trung tâm NCKH & Khuyến nông TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Nghiên cứu Đồng Tháp mười khảo nghiệm trên lúa ở Long An & TP. Hồ Chí Minh vụ Đông Xuân 1996 - 1997 cho thấy năng suất tăng 9 - 13%.

* **Cách sử dụng** : Trộn 1 - 1,5 kg Bioted PB với phân hữu cơ hoặc phân vô cơ, bón một lần ngay từ đầu vụ, bón lót trước khi xuống giống.

(Dùng Bioted PB có thể giảm được 4-10% tổng số phân trong vụ).



37. BIOTED-F99 15-30-15

38. BIOTED F99 6-30-30

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT, được áp dụng trong sản xuất cây ăn trái, theo **Quyết định số 2591/NN/KHCN-QĐ, ngày 11-10-1997.**

- Đơn vị có sản phẩm : **Doanh nghiệp tư nhân Phát triển Kỹ thuật Vĩnh Long.**

* **Thành phần - Hàm lượng** : Cũng do nhà sản xuất nhập nguyên liệu, tự chế ra sản phẩm. Chủ yếu là NPK dạng khoáng; có dạng bột. Được Viện Pasteur xác nhận không gây độc hại cho người & môi trường.

* **Kết quả khảo nghiệm** : Trong năm 1996 - 1997, Trung tâm Cây ăn quả Long Định đã tiến hành khảo nghiệm trên một số vườn cây ăn trái, cho thấy :

- Trên sạpô : (35 gốc) Bioted F99 15-30-15 cho năng suất tăng 24,6%, màu vỏ quả đẹp. Bioted F99 6-30-30 cho năng suất tăng 18,6%.

- Trên nhãn (trên 700 gốc) phun Bioted F99 15-30-15 cho năng suất tăng 45%; Bioted F99 6-30-36 làm tăng năng suất 23,5%.

* **Cách sử dụng** : Đối với cây ăn trái cả 2 loại đều pha 15-20g/bình 8 lít nước, phun xịt 10 - 15 ngày một lần.

Có thể pha chung với thuốc trừ sâu bệnh.



39. YOGEN 2

40. YOGEN 4

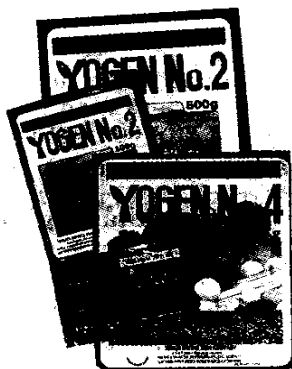
- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp theo Quyết định số 2592/NN/KHCN-QĐ ngày 11-10-1997.

- Đơn vị có sản phẩm : Công ty TNHH Mitsui Toatsu (Nhật Bản)

*** Thành phần - Hàm lượng :**

Phân bón lá Yogen có nhiều loại, được sản xuất và sử dụng nhiều năm ở Nhật. Từ 1996, Công ty TNHH Mitsui Toatsu nhập 2 loại Yogen 2 & Yogen 4 vào Việt Nam và đăng ký khảo nghiệm.

Thành phần cơ bản của 2 loại đều là các hợp chất hóa học hòa tan nhanh.



	YOGEN 2	YOGEN 4
N tổng số	30 - 31,7	15 - 15,82
N ammonium	2 - 2,1	6 - 6,26
N nitrate	3 - 3,25	4,5 - 5,0
P ₂ O ₅	10 - 10,59	30 - 31,7

K ₂ O	10 - 10,95	15 - 16,83
MnO	0,1 - 0,2	0,1 - 0,19
B ₂ O ₃	0,05 - 0,13	0,05 - 0,07
Fe	0,024	
Cu	0,014	
Zn	0,008	
Mo	0,002	
MgO	0,15	

- 2 loại chế phẩm đều có dạng bột.

- Không gây độc hại cho người và môi trường (theo kết quả của Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh 5-7-1997).

4. Kết quả khảo nghiệm :

- Trên lúa : Viện lúa Đồng bằng Sông Cửu Long khảo nghiệm năm 1996 - 1997 tại Cần Thơ cho thấy năng suất lúa tăng vững chắc từ 12,7% - 15,9%.

- Trên rau : Vụ Đông 1996 - 1997, trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh khảo nghiệm trên bắp cải cho thấy Yogen 2 và Yogen 4 cho năng suất tăng 35 - 48%, Yogen 4 cao hơn Yogen 2. Trên cà chua cho tỷ lệ đậu quả cao hơn 3 - 4%, thu hoạch sớm hơn 6 ngày, năng suất tăng 28,1% (Yogen 2); 35,8% (Yogen 4).

- Trên nhãn : Viện NC cây ăn quả Long Định khảo nghiệm tại 3 huyện thuộc Tiền Giang đều thấy năng suất tăng từ 33-60%. Hiệu quả Yogen 2 cao hơn Yogen 4.

- Thực nghiệm rộng trên chè tại Phú Thọ (Viện Nghiên cứu chè) và Bắc Thái (Công ty chè Sông Cầu), Yogen 2 cho năng suất chè búp tăng khoảng 23%, tỷ lệ bệnh vàng lá giảm, phẩm chất chè tăng do tỷ lệ đạm và vitamin C tăng.

5. Hướng dẫn sử dụng :

- Pha 10 - 20g Yogen với 8 lít, phun 48 - 64 lít/1 công (10a).

- Phun đều trên 2 mặt lá lúc sáng sớm hoặc chiều mát.

- Với lúa : phun 10 ngày trước và sau khi trở bông.

- Rau : phun 2 - 3 lần khi đang phát triển lá hoặc đang ra củ.

- Cây ăn trái : 1 - 2 lần trong thời gian tăng trưởng.

2-3 lần trong giai đoạn đậu trái & phát triển.

- Cây công nghiệp : 3 - 4 lần trong giai đoạn phát triển.



41. SF-900

- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận là TBKT được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp theo **Quyết định số 2597 NN-KHCN/QĐ ngày 11/10/1997**.

- Đơn vị có sản phẩm : Công ty Cây trồng Hóc Môn - TP. HCM.

*** Thành phần - Hàm lượng :**

Phân bón qua lá SF-900 được sản xuất từ nguyên liệu than bùn trong nước có bổ sung các nguyên tố dinh dưỡng đa, vi lượng. Cụ thể :

- Muối humat : 3%; Cu : 50 ppm
- N : 4%; Zn : 200 ppm
- P_2O_5 : 1,5%; Mo : 100 ppm
- K_2O : 2%; Mg : 150 ppm



- Là dạng phân lỏng; chứa muối humat hòa tan có tác dụng tăng quá trình trao đổi chất trong cây nhờ làm tăng chất diệp lục trong lá và tăng khả năng quang hợp, tăng khả năng hấp thu các nguyên tố khoáng.

- Được Viện Pasteur kiểm nghiệm ngày 5/9/1997, xác nhận SF-900 không gây độc hại cho môi trường, người và động vật.

*** Kết quả khảo nghiệm :** Trong thời gian từ 1987 đến 1997, SF-900 đã được Viện Khoa học Nông nghiệp miền Nam khảo nghiệm trên lúa, rau đậu và cây lâu năm.

trên 3 loại đất chính : đất xám, đất đỏ và đất phù sa, thuộc các tỉnh An Giang, Long An, TP.HCM, Sông Bé, Tây Ninh, Đồng Nai. Kết quả cho thấy :

- Với lúa : SF-900 thể hiện rõ hiệu lực trên cả giống ngắn ngày và dài ngày, làm tăng năng suất 8,7 - 18,5%, thu lợi nhuận từ 500.000 đ đến 1 triệu đồng/cho 1 hecta lúa.

- Với rau : làm tăng năng suất cà chua, dưa leo, rau cải trung bình 13,3%, thu lợi 2,3 - 6,0 triệu đồng cho 1 ha.

- Với cây ăn trái : SF-900 làm tăng tốc độ sinh trưởng của cây con (giai đoạn kiến tạo vườn chuyên canh), tăng năng suất, phẩm chất một số cây ăn trái như : chôm chôm 14 - 20%, sầu riêng tăng gấp đôi so với không phun, xoài tăng 14,9%; Thanh Long tăng 23,4% năng suất, độ Brix tăng 21,4% lợi nhuận trên 4 triệu đồng/ha.

Năm 1998, SF-900 tiếp tục được Viện KHNN MN khảo nghiệm ở vùng Đông Nam Bộ, trên xoài, và chôm chôm năng suất vẫn tăng ổn định như các năm trước; đặc biệt trọng lượng trái xoài lớn hơn, màu sắc đẹp hơn, và độ ngọt trái tăng rõ rệt, với chôm chôm tỷ lệ rụng trái giảm so với không phun.

5. Cách sử dụng :

- Các loại rau, quả phun 20 ml/bình xịt 8 lít. Phun 3 - 5 lần/vụ.

- Có thể ngâm hạt giống đậu phộng, đậu xanh với SF-900, nồng độ 0,5 - 1% từ 2 - 6 giờ trước khi gieo.

- Các loại cây ăn trái : phun 30 ml/bình 8 lít, phun vào 3 thời kỳ chính là khi thu hoạch để dưỡng cây vụ tới; khi cây sắp ra hoa và khi cây bắt đầu có trái, phun mỗi thời kỳ 2 - 3 lần.

Với cây chưa có trái mới trồng phun 4 - 6 lần/vụ.

- 42. SOLU-SPRAY 10-45-10**
- 43. SOLU-SPRAY 10-55-10**
- 44. SOLU-SPRAY 9-15-32**
- 45. SOLU-SPRAY 7-5-44**
- 46. SOLU-SPRAY 20-20-20**
- 47. SOLU-SPRAY 12-26-26**

Các sản phẩm trên được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT được áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 2593 NN-KHCN/QĐ ngày 11/10/1997.**

+ Đơn vị có sản phẩm : Là sản phẩm của Pace-International Hoa Kỳ, Công ty Map-Pacific xin khảo nghiệm tại Việt Nam.

+ Hiện các sản phẩm phân bón lá trên chưa có mặt trên thị trường Việt Nam.

48. TÂN NÔNG DIỆP LỤC TỔ

- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận là TBKT được áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 2594 NN-KHCN/QĐ ngày 11/10/1997.**

- Đơn vị có sản phẩm : là sản phẩm của Công ty Shing Nông Chemical Co.Ltd Đài Loan, **Công ty TNHH Việt Thăng** nhập và phân phối tại Việt Nam.

Thành phần : Dạng dung dịch đậm đặc, có hàm lượng :

N : 5% ; Mn : 0,6% ; K : 5% ; Bo : 0,5%

P : 5% ; Zn : 0,02% ; Mg : 3%

và một số nguyên tố khác : Mo, Fe, Ni, Cu

và một số kích thích tố

49. SRI-DIAMIN 30AA

- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận là TBKT được áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 2595 NN-KHCN/QĐ ngày 11/10/1997.**

- Đơn vị có sản phẩm : Phân bón là Sri-Diamin 30AA là sản phẩm của Công ty Diamalt-Munich (Đức) có tên gốc là Diamin N9-B.

Công ty Agrexport được ủy quyền tại Việt Nam.

- Sản phẩm hiện chưa lưu thông trên thị trường Việt Nam.

50. GREEN 15-30-15

- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận là TBKT được áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 2596 NN-KHCN/QĐ ngày 11/10/1997.**

- Đơn vị có sản phẩm : Phân bón lá Green 15-30-15 có tên gốc là NPK Miracle-Grow (Hoa Kỳ) được **Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ** nhập và khảo nghiệm tại Việt Nam.

*** Thành phần - Hàm lượng :** Là dạng phân khoán NPK, kết tinh màu xanh dương.

N : 16%	Cu : 700 ppm	Zn : 599 ppm
P ₂ O ₅ : 31,9%	Fe : 1500 ppm	Cl : 125,1 ppm
K ₂ O : 16,3%	Mn : 1500 ppm	
Bo : 199 ppm	Mo : 5 ppm	

*** Kết quả khảo nghiệm :**

Viện Lúa ĐBSCL, Viện NC Cây ăn quả Long Định và Trường đại học Nông lâm TP.HCM khảo nghiệm 1996-1997 đã cho thấy Green có khả năng làm tăng năng suất cây trồng.

- Với lúa từ 3,3 - 6,4%
- Với rau bắp cải tăng từ 24,6 - 26,2%
- Với cà chua tăng 19%
- Với nhãn tăng 66,6% ở Long Định, 26% ở Thới S và 73,2% ở Đạo Thạnh (Tiền Giang).

51. HQ 201

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBV cho phép áp dụng thử trong sản xuất (khu vực hóa) tại Quyết định số 1272 NN-KHCN/QĐ ngày 30/7/1996. đó được phép áp dụng chính thức trong sản xuất tại Quyết định số 2598 NN-KHCN/QĐ ngày 11/10/1997.

- Đơn vị có sản phẩm : Cơ sở sinh hóa nông.

* **Thành phần - Hàm lượng** : chế phẩm có dạng nước, màu vàng cam, chứa : Phytohormon $\geq 0,5\%$

Nitrophenol $\geq 0,4\%$

Vitamin B₁ $> 0,25\%$

Các nguyên tố vi lượng :

Cu, Zn, Mn ≥ 200 ppm; Bo = 1000 ppm.

* **Kết quả khảo nghiệm** : HQ 201 đã được các Trung tâm khuyến nông Sông Bé, Sóc Trăng, Vĩnh Long khảo nghiệm năm 1995 - 1996 trên lúa, cho thấy năng suất tăng 9,4% - 16%.

52. RAJA 15-30-15

53. RAJA 20-20-20

54. RAJA 15-15-15

55. RAJA (White)

56. RAJA (Black)

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT được áp dụng trong sản xuất; theo **Quyết định số 2590/NN/KHCN-QĐ, ngày 11-10-1997.**

- Đơn vị có sản phẩm : Công ty Mitsui (Nhật Bản) nhập và xin đăng ký khảo nghiệm 5 loại phân bón lá Raja do P. Soontorn Pattano Co Ltd Thái Lan sản xuất.

* **Thành phần - Hàm lượng** :

- Raja 15-30-15 : dạng bột, có hàm lượng :

N : 15% ở dạng urê.

P₂O₅ : 30% dạng monoamon photphat.

K₂O : 15% dạng nitrat kali

MgO : 0,018%

S : 0,48%.

Fe : 0,049%

Mn : 0,03%

B : 0,0096%

Cu : 0,011%

Zn : 0,012%.

- Raja 20-20-20 : dạng bột chứa 20% đạm, 20% lân và 20% kali.

- Raja 15-15-15 : dạng bột, chứa 15% đạm, 15% lân và 15% kali.

- Raja (White) dạng sữa lỏng, có chứa :

MgO : 0,3% Cu : 0,01% ; S : 0,53%

Zn : 0,01% Mn : 0,02%

- Raja (Black) : dạng lỏng màu đen, chứa :

MgO : 0,25% S : 0,49%

Zn : 0,0002% Cu : 0,0004%

Đặc điểm : Các loại phân bón Raja đều chủ yếu chứa các nguyên tố đa, trung và vi lượng có tác dụng bổ sung

dinh dưỡng cho các giai đoạn phát triển, làm tăng năng suất cây trồng.

- Không độc hại với môi trường, người, gia súc.

* **Kết quả khảo nghiệm** : Các loại phân bón lá Raja đã được Viện Thổ nhưỡng Nông hóa khảo nghiệm ở phía Bắc, được Viện lúa Đồng bằng Sông Cửu Long khảo nghiệm ở Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Cần Thơ trên lúa, bắp, đậu nành, đậu phộng cho năng suất tăng từ 5,0 - 27,2%. Hiệu quả kinh tế, chỉ số VCR đều lớn hơn 2.

57. CHEER (Blue + Red)

- Được Bộ Nông nghiệp - PTNT công nhận là TBKT được áp dụng trong sản xuất, theo **Quyết định số 2590/NN/KHCN-QĐ**, ngày 11-10-1997.

- Đơn vị có sản phẩm : Phân bón lá Cheer còn có tên thương mại khác là Mikaza, Past Food, Best Cheer (Red) do Công ty Union Agriculture Co. Ltd Thái Lan sản xuất, Công ty TNHH Mitsui nhập và đăng ký khảo nghiệm.

* **Thành phần - Hàm lượng** : Có 2 loại Cheer.

- Cheer (đỏ) : thành phần chứa các axit hữu cơ, protein vitamin, chất bổ sung và các nguyên tố vi lượng.

- Cheer (xanh) :

- | | |
|-------------|------------|
| - Mg : 1,0% | Cu : 0,1% |
| - Zn : 0,2% | Mn : 0,05% |
| - B : 0,2% | Mo : 0,05% |

Phân bón lá Cheer dạng lỏng, dùng cho các giai đoạn sinh trưởng của cây. Không độc hại cho môi trường, người & gia súc.

*** Kết quả khảo nghiệm :** Từ 1995 đến 1997, chế phẩm được Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long khảo nghiệm tại Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Cần Thơ cũng như Viện thổ nhưỡng nông hóa khảo nghiệm ở một số tỉnh phía Bắc, kết quả đều cho thấy Cheer (xanh & đỏ) làm tăng năng suất rõ rệt : lúa 14,3%, bắp 13% và đặc biệt ở đậu phộng (lạc) tăng tới 42,9%.

58. SAMPPI No 3

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT được áp dụng trong sản xuất đối với cây lúa và cây đậu đỗ theo **Quyết định số 2590 NN/KHCN-QĐ, ngày 11-10-1997.**

- Đơn vị có sản phẩm :

Phân bón lá Samppi No3 là sản phẩm của Công ty Osuka (Nhật Bản), được công ty Mitsui nhập vào Việt Nam và cho khảo nghiệm từ 1994.

*** Thành phần - Hàm lượng :**

Nitrogen (N) : 8,0%	Fe : 0,4%
Nitrate (NO ₃) : 2,0%	Cu : 0,05%

P₂O₅ : 3,0%

Zn : 0,05%

K₂O : 3,0%

Mo : 0,1%

MgO : 2,0%

Glucose : 3,0%

B : 0,5%

Citric acid : 5,0%

CaO : 1,0%

EDTA-2Na : 3,4%

chất kết dính : 4,0%

Đặc điểm : Phân bón lá Samppi No3 dạng lỏng, màu xanh đậm chuối, dễ an trong nước, không ăn mòn. Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng và các chất tạo phức cho các nguyên tố kim loại dễ hòa tan và thâm nhập vào cây nhanh.

- Không gây độc hại cho người, gia súc & môi trường.

* **Kết quả khảo nghiệm :** Chế phẩm được Cục khuyến nông phía Nam khảo nghiệm từ năm 1994; Viện Thổ nhưỡng nông hóa khảo nghiệm từ năm 1996. Kết quả đều cho thấy, Samppi No3 có tác dụng bổ sung dinh dưỡng, làm tăng năng suất cây trồng đáng kể : Lúa tăng năng suất 9-12%, đậu nành 13%.

59. PALANGMAI 15-30-15

60. PALANGMAI 20-20-20

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 2590/NN/KHCN-QĐ, ngày 11-10-1997.**

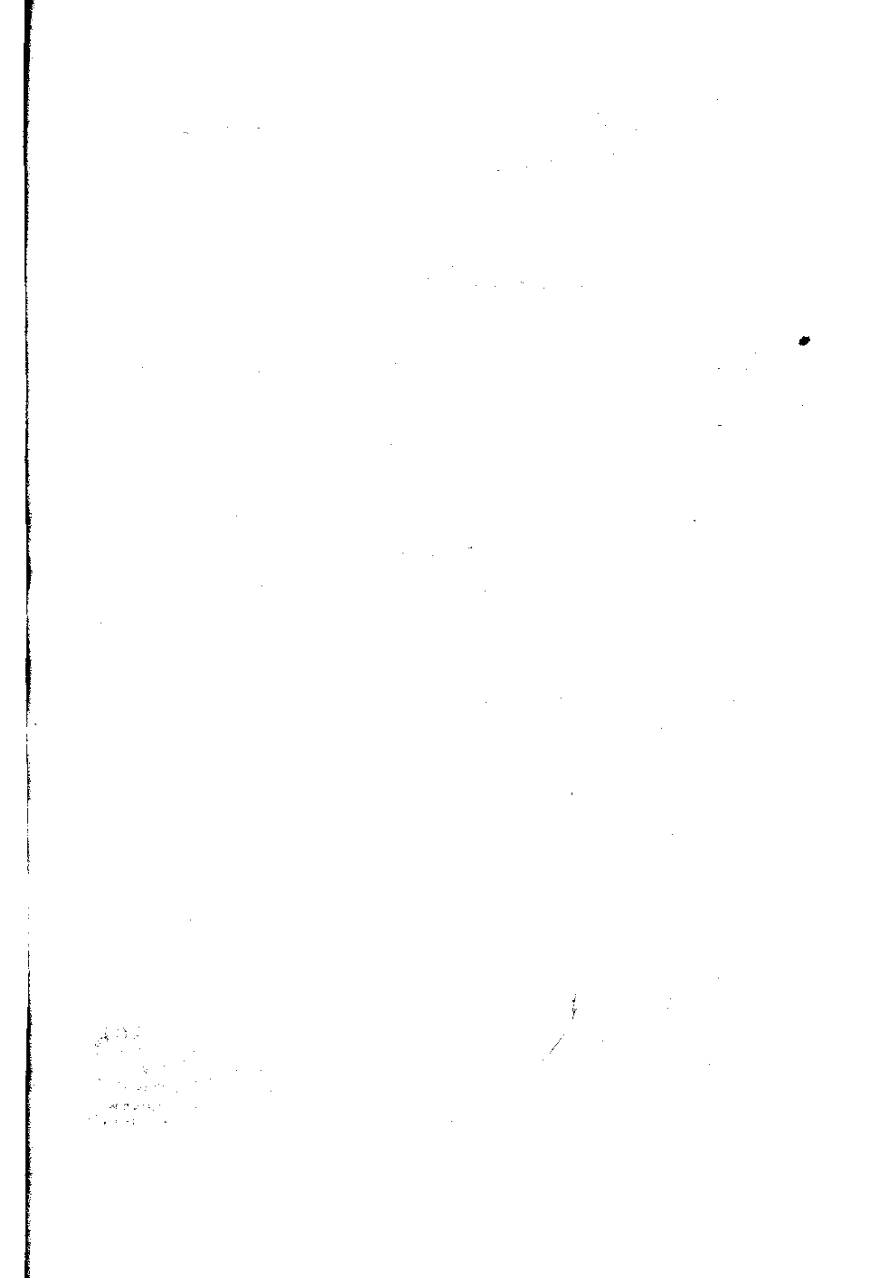
- Đơn vị có sản phẩm : Công ty Mitsui (Nhật Bản) nhập và xin đăng ký khảo nghiệm. Hai loại phân bón lá này còn có tên thương mại khác là Maruay hay Unifos 15-30-15; 20-20-20, là sản phẩm của công ty Union Agriculture Co. Ltd Thái Lan.

*** Thành phần - Hàm lượng :**

- Palangmai 15-30-15 dạng bột, chứa chủ yếu là NPK theo tỷ lệ nêu trên.

- Palangmai 20-20-20, ngoài tỷ lệ NPK 20-20-20 còn chứa một số nguyên tố trung và vi lượng như 0,32% MgO; 4,25% S; 0,25% Fe; 0,052% Mn; 0,059% Cu; 0,038% Zn; 0,032% Bo; 0,0051% Mo.

*** Kết quả khảo nghiệm :** Từ 1995 đến 1997, Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long khảo nghiệm trên lúa, đậu nành, đậu phộng, bắp ở một số tỉnh miền Tây, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa khảo nghiệm ở một số tỉnh phía Bắc, kết quả đều cho thấy 2 dạng Palangmai làm tăng năng suất cây trồng 5,5 - 27,3%.



CÁC LOẠI PHÂN BÓN LÁ ĐƯỢC CẤP PHÉP NĂM 1998

61. FLOWER 94

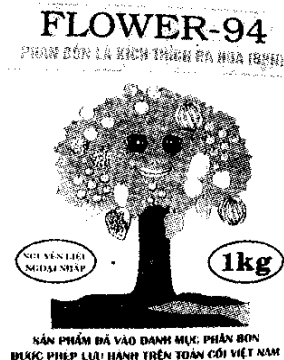


- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất nông nghiệp, chủ yếu trên cây ăn trái, theo **Quyết định số 1967 QĐ/BNN-KHCN** ngày 7/7/1998.

- Đơn vị có sản phẩm : **Cơ sở sản xuất TOBA.**

* **Thành phần - Hàm lượng** : Phân bón lá FLOWER 94 dạng bột được chế biến từ muối vô cơ KNO_3 , muối vi lượng kẽm và chất điều hòa sinh trưởng αNAA 0,1%, Hàm lượng N 7%; K_2O 30%; Zn 700 - 2000 ppm.

* **Kết quả khảo nghiệm** :
Chế phẩm được Cục Khuyến nông - Khuyến lâm, Viện lúa ĐBSCL, Viện nghiên cứu Cây ăn quả Miền Nam, các Trung tâm Khuyến nông Bình Dương và TP. HCM khảo nghiệm trên lúa, nhãn, thanh long, xoài... Kết quả cho thấy Flower 94 kích thích ra hoa, đậu quả, làm tăng năng suất lúa 3 - 9%, đặc biệt với cây ăn trái như nhãn tăng năng 22,8%, thanh long tăng năng suất trên 29,6%, cải thiện màu



sắc trái. Với xoài, Flower 94 làm kích thích xoài ra hoa sớm. Tại Cái Bè (Tiền Giang), sau 5 tuần xử lý phun Flower 94, xoài ra hoa đạt 70 - 80% (đối chứng chỉ đạt 16%), tại Châu Thành đạt 43 - 58% so với đối chứng đạt 37%.

*** Sử dụng :**

- Với cây ăn quả : 1 tháng trước mùa hoa quả thường niên, pha 80g Flower 94 với 80g SA cho 1 bình 8 lít. Phun sương đều lên 2 mặt lá, phun liên tiếp 2 lần cách nhau 7 ngày. Sau 4 ngày cây sẽ ra đợt non và 7 - 14 ngày sau sẽ ra hoa đều. Nên pha chung với chất bám dính TOBA-ST để tăng hiệu quả sử dụng. Trời lạnh có thể tăng nồng độ Flower 94 nhưng không quá 3%.

- Với lúa : Sau xạ 60 ngày, phun 2 lần, cách nhau 7 ngày phun Flower 94 : 0,5% + SA 0,5% lúa sẽ trở đồng đều, không bị nghen.

Kết quả kiểm nghiệm số N990, ngày 23/7/1997 của Viện Pasteur cho biết Flower 94 không gây độc cho người và động vật.

62. SÔNG GIANH 101

63. SÔNG GIANH 201

64. SÔNG GIANH 301

- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất theo Quyết định số 1468 QĐ/BNN-KHCN ngày 20/5/1998.

- Đơn vị xin khảo nghiệm : Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp và Viện Thổ nhưỡng nông hóa.

*** Thành phần - Hàm lượng :**

Sông Gianh 101 còn có tên Vinipik A, KN 301

Sông Gianh 201 còn có tên Vinipik B, KN 401S

Sông Gianh 301 còn có tên Alfa

Các loại Sông Gianh 101, 201 của Trung Quốc, Sông Gianh 301 sản xuất theo công nghệ của GS. Lê Văn Tiêm - Viện KHNN Việt Nam.

- Sông Gianh 101 và 201 đều là dạng khoáng NPK có sử dụng một số nguyên tố đa, vi lượng.

- Sông Gianh 301 là hỗn hợp 14% N; 35% P_2O_5 ; 22% K_2O .

3. Kết quả khảo nghiệm :

Khảo nghiệm của Viện Quy hoạch TKNN và Viện Thổ nhưỡng Nông hóa trên đất phù sa Sông Hồng, đất xám, đất cát..., cả 3 loại đều cho kết quả tốt, làm tăng năng suất lúa 8 - 15%. Các loại 101, 201 không có hiệu quả với bắp cải nhưng làm tăng năng suất cà chua 16,1 - 20,3%; cây dâu tằm 10 - 15%; chè 20,9 - 23,4% (riêng loại 301 không hiệu quả với chè).

Sông Gianh 301 chỉ nên áp dụng với lúa.

Phân không độc hại với người và môi trường.

65. LINK

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 1468 QĐ/BNN-KHCN ngày 20/5/1998.**

- Đơn vị có sản phẩm : Phân hóa lá Link là sản phẩm của nhà máy hóa chất Feng Hsin (Đài Loan), Công ty VIPESCO nhập, xin khảo nghiệm.

*** Thành phần - Hàm lượng :** Dạng lỏng, màu nâu. Thành phần gồm : MgO 1,5%; Mn 1,0%; Zn 1,0% và dịch chiết thực vật từ cây Houtuynia Cordata thunto và cây Chenopodium Amprosoides Lin. Thành phần dịch chiết có :

As : 0,000046%

*** Kết quả khảo nghiệm :** Sản phẩm được Viện Bảo vệ Thực vật, Công ty Vipesco, Viện Cây Lương thực, Cây Thực phẩm, Viện lúa ĐBCL, khảo nghiệm trên lúa, ngô, lạc, đậu nành, cải bắp, cà chua, dưa hấu..., cây ăn trái (cam, quýt, xoài, nhãn) và hoa hồng, trên đất phù sa sông Hồng, sông cửu Long... Kết quả khẳng định phân LINK giúp tăng năng suất lúa 10 - 12%; ngô 8,5%; lạc 15 - 20%; rau 25 - 30%; dưa chuột 14%, dưa hấu 4,9%.

Tuy nhiên các kết quả trên cần được khảo nghiệm thêm.

Phân không độc hại với người, gia súc, môi trường.

66. SUPERMIX

- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận là TBKT, được áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 1468 QĐ/BNN-KHCN, ngày 20/5/1998.**

- Đơn vị có sản phẩm : **Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam (VIPESCO).**

1. Thành phần - Hàm lượng : Supermix là dạng phân bón lá được sản xuất trên nền các chelate nhập nội. Phân dạng lỏng, màu xanh, hòa tan 100% trong nước, có chứa :

N : 12%; P_2O_5 : 5,5%; K_2O : 4,8%; Ca : 0,1%; Mg : 540 mg/kg
Mn : 163 mg/kg; Cu : 220 mg/kg; Zn : 336 mg/kg;
Fe : 322 mg/kg; Bo : 84 mg/kg

và chất điều hòa sinh trưởng $\alpha NAA = 3,800$ mg/kg.

2. Kết quả khảo nghiệm : Chế phẩm được Vipesco và Viện Nông hóa thổ nhưỡng bố trí khảo nghiệm trên lúa, đậu xanh, dưa chuột ở Hưng Yên, Hà Tây, Thái Bình, Ninh Bình cho thấy đã làm tăng năng xuất lúa 6 - 20%, đậu xanh tăng 13 - 20%.

Phân không độc hại cho người, gia súc và môi trường.



67. HVT 884N

- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất, theo **Quyết định số 1967 QĐ/BNN-KHCN**, ngày 7/7/1998.

- Đơn vị có sản phẩm : **Cơ sở phân bón vi lượng Thập Mười.**

*** Thành phần - Hàm lượng :** Phân bón lá HVT 884N là hỗn hợp hòa tan trong nước,



lắng bỏ cặn của DAP, Ure, KCl và các muối Mg, vi lượng. Phân có hàm lượng một số nguyên tố :

N : 6% Zn : 114 ppm

P₂O₅ : 4% Mn : 138 ppm

K₂O : 4% Cu : 131 ppm

Mg : 59 ppm Fe : 98 ppm

B : 573 ppm

*** Kết quả khảo nghiệm :** Chế phẩm đã được Viện Nghiên cứu Cây ăn quả Miền Nam, Trung tâm Khuyến Nông và KTNN Đồng Tháp khảo nghiệm trên các cây lúa, đậu nành, chôm chôm, nhãn trên đất phù sa, đất Tây Nam bộ, kết quả HVT 884N đã thể hiện khả năng tăng năng suất cho cây. Cụ thể lúa tăng được 5,5 - 9,8%, đậu nành 15,7 - 19,3%, chôm chôm 28 - 30,9%, nhãn 15,9%.

Nhà sản xuất khẳng định HVT 884N không gây độc hại cho người, gia súc và môi trường.

*** Cách sử dụng :** Hòa 100 gram HVT 884N trong 8 lít nước, phun cho 250m² (1/4 công ruộng), phun cách nhau 7 - 10 ngày.

Lưu ý : HVT 884N có 2 loại : Loại có tỷ lệ 20-20-10 phù hợp với cây ăn trái giai đoạn kết trái; Loại 30-10-5 phù hợp với cây giai đoạn đang tăng trưởng.



68. MIRACLE-GRO 15-30-15
69. MIRACLE-GRO 18-18-21
70. MIRACID 30-10-10

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất nông nghiệp, theo Quyết định số 1967 QĐ/BNN-KHCN, ngày 7-7-1998.

Miracle Gro
PLANT FOOD

Dùng chung cho mọi cây trồng

Miracle Gro
for TOMATOES

Dùng cho cà chua, ớt, rau củ...

Miracid
PLANT FOOD

Dùng cho đất bị phèn/chua & khô cằn...

SỬ DỤNG DẦU CUA HỒ LÔ
SỬ DỤNG DẦU CUA HỒ LÔ

+ Miracle-Gro 15-30-15 và 18-18-21 chủ yếu cho cà chua và rau các loại.

+ Miracid 30-10-10 thích hợp cho cây cảnh, cây ăn trái, lúa trên đất phèn.

- Đơn vị có sản phẩm : **Doanh nghiệp tư nhân Tân Qui** nhập của Công ty "STERNS" Miracle-Gro Products.Inc xin khảo nghiệm và phân phối tại Việt Nam.

* **Thành phần - Hàm lượng** : Cả 3 loại chế phẩm bón lá trên đều có dạng bột, sản xuất từ các muối vô cơ đa lượng chứa NPK, Chelat EPTA và các muối vi lượng. Hàm lượng các nguyên tố gồm :

	Miracle-Gro 15-30-15	Miracle-Gro 18-18-21	Miracid 30-10-10
N :	15%	18%	30%
P ₂ O ₅ :	30%	18%	10%
K ₂ O :	15%	21%	10%
B :	0,02%	—	0,02%
Cu :	0,07%	0,05%	0,07%
Fe :	0,15%	0,1%	0,325%
Mn :	0,05%	0,05%	0,05%
Mo :	0,0005%	—	0,0005%
Zn :	0,06%	0,05%	0,07%

* **Kết quả khảo nghiệm** : Các chế phẩm đã được Cục Khuyến nông - KL (phía Nam), Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long, Viện Nghiên cứu Cây ăn quả miền Nam, Trung tâm Khuyến nông TP. Hồ Chí Minh/khảo nghiệm trên lúa, cà chua, nhãn trên đất phù sa, đất vườn miền Tây Nam bộ. Kết quả cho thấy :

- Miracle-Gro 15-30-15 làm tăng năng suất lúa 5,4 - 12%, cà chua tăng 32%.

- Miracle-Gro 18-18-21 cho năng suất lúa tăng 7,4 - 11%, cà chua tăng 28,9%.

- Miracid 30-10-10. tăng năng suất lúa 5,37%, cà chua 15,9%; nhãn tăng có ý nghĩa.

Nhà sản xuất khẳng định các chế phẩm trên không độc hại cho người, gia súc và môi trường.

* **Cách sử dụng** : 5 - 10 g/bình 8 lít nước cho cả 3 loại, 10 - 15 ngày phun 1 lần cho tất cả các loại cây. Phun ướt đều 2 mặt lá. Khi dùng nên pha thêm 2ml chất bám dính và loang đều Latron-B1956 của Rohm & Haas-USD để tăng độ hữu hiệu của thuốc & tránh rửa trôi vào mùa mưa.



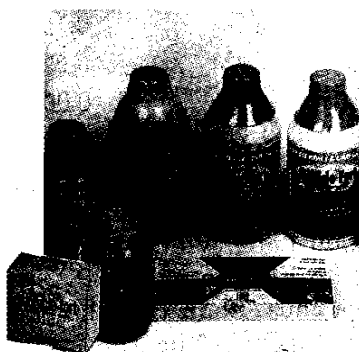
71. HQ 801

72. AMINOMIX

73. MIRACLE FORT

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 1967 QĐ/BNN-KHCN**, ngày **7-7-1998**.

- Đơn vị có sản phẩm :
Cơ sở sản xuất phân bón Phú Hưng phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển phân bón.



*** Thành phần - Hàm lượng :** Cả 3 loại phân bón lá đều sản xuất từ nguyên liệu là các muối vô cơ đa lượng; chất chiết xuất từ rong tảo biển, da, lông động vật, chất điều hòa sinh trưởng, các muối vi lượng. Cả ba đều ở dạng lỏng. Cụ thể :

	HQ 801	AMINOMK	MIRACLE FORT
N	> 4%	> 3%	> 4%
P ₂ O ₅	> 8%	> 5%	> 8%
K ₂ O	> 4%	> 3%	> 4%
Mo :	30 - 40 ppm	30 - 40 ppm	2 ppm
B :	40 - 60 ppm	40 - 60 ppm	0,02 ppm

*** Kết quả khảo nghiệm :** Các chế phẩm đã được Cục Khuyến nông - KL (phía Nam), Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long, Viện Nghiên cứu Cây ăn quả miền Nam. Trung tâm Nghiên cứu KHKT & Khuyến nông TP. Hồ Chí Minh đưa khảo nghiệm trên lúa, nhãn, bắp cải trên đất phù sa, đất vườn Tây Nam bộ, đất xám Bình Dương.

Kết quả cũng như các loại phân bón lá khác; 3 loại chế phẩm đều bổ sung dinh dưỡng, nâng cao năng suất. Cụ thể :

- HQ 801 làm tăng năng suất lúa 5,4 - 13% nhãn tăng 11,5 - 18,8%, bắp cải tăng 17,7%%.

- Aminomik làm tăng năng suất lúa 6,4 - 8,4%, nhãn 10,6%, bắp cải tăng 6,2 - 18,2%.

- Miracle Fort làm tăng năng suất lúa 6,5 - 8,0%, nhãn 11,4% bắp cải tăng 7,6 - 25,4%.

Các chế phẩm được nhà sản xuất khẳng định không độc hại với người, gia súc, môi trường.

*** Cách sử dụng :**

- Aminomix và Miracle Fort : Đối với tất cả các cây đều dùng 20 ml pha trong 8 - 10 lít nước (400 - 500l nước/ha).

- HQ 801 thường dùng phân cho các lúa, rau đậu các loại ở liều lượng 10ml/8-10 lít nước (400 - 500 l nước/ha).



T.P.C

74. TIPOMIC 301

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là tiến bộ khoa học kỹ thuật, cho phép áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số : 1967/QĐ/BNN-KHCN, ngày 07-07-1998.**

- Đơn vị có sản phẩm :
**Công ty TNHH thương mại
Thái Phong.**

*** Thành phần - Hàm lượng :**

Phân bón lá Tipomic 301 có dạng lỏng, màu nâu đen, chứa :

N : 8%; ZnSO_4 : 0,05%

P_2O_5 : 6%; MgSO_4 : 0,05%

K_2O : 5%; Borax : 0,05%

Humat : 0,3%; Phụ gia : Cu,
Mn, Mo, Na, Cl...



*** Kết quả khảo nghiệm :** Tipomic 301 đã được Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long, Viện Khoa học Nông nghiệp miền Nam, Viện Nghiên cứu Cây ăn quả miền Nam và một số trạm khuyến nông huyện khảo nghiệm trên lúa, đậu nành, cà chua, nhãn, xoài... trên các loại đất phù sa, đất đỏ bazan, đất xám.

Kết quả : Tipomic có tác dụng bổ sung dinh dưỡng, làm tăng năng suất lúa 7 - 11%, đậu nành 10%, nhãn 15,2 - 16,8%.

Phân không gây độc hại cho người, gia súc và môi trường.

Cách sử dụng :

Pha từ 20 cc - 25 cc cho bình 8 lít nước

Cây trồng	Thời kỳ phun (ngày sau khi gieo)	Liều lượng lít/ha	Tác dụng
1	2	3	4
Lúa	15	0.5	Giúp cây lúa phát triển mạnh, đề kháng sâu bệnh. Tăng số lượng hạt chắc và tăng năng suất
	30	1.0	
	45	1.0	
Bắp, đậu phộng, đậu xanh	15	0.5	- Nâng cao sản lượng - Thu hoạch sớm
	30	0.5	
	45	1.0	
Cà chua, cải ngọt, cải bắp, cải bông, cải bắp thảo	15	0.5	- Lá non to, cuốn chặt, sản lượng tăng
	25	0.5	
	35	1.0	

1	2	3	4
Thuốc lá, trà, bông vải, tiêu, nhỏ, khoai tây, hành tây, tỏi, dưa hấu, dưa leo,...	15 30 45 55	0.5 0.5 1.0 1.0	- Tăng sản lượng - Chất lượng cao
Cam, quýt, nhãn, chanh lê, đào, chôm chôm,	Phun tưới lần 1 Phun tưới lần 2 Phun tưới lần 3	0.5 0.5 1.0	Đối với cây nhỏ hơn 1,5 năm - cây phát triển nhanh
Xoài, mận, cà phê, ca cao, sầu riêng	Phun tưới lần 1 Phun tưới lần 2 Phun tưới lần 3 Phun tưới lần 4	1.0 1.0 1.0 1.0	Đối với cây lớn hơn 2 năm - Tăng đậu quả - Quả bóng to - Chất lượng cao
Cao su, chuối	Phun tưới lần 1 Phun tưới lần 2 Phun tưới lần 3 Phun tưới lần 4	0.5 0.5 1.0 1.0	- Cây phát triển nhanh - Mau thu hoạch - Sản lượng cao
Cây hoa kiểng phong lan, huệ, cúc...	Phun tưới lần 1 Phun tưới lần 2 Phun tưới lần 3	0.5 0.5 0.5	- Kéo dài thời kỳ nở hoa - Hoa to, đẹp, tươi lâu hơn

75. SAIGON-GOLDEN HARVEST

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất, theo **Quyết định số 1967 QĐ/BNN-KHCN ngày 7/7/1998**.

- Đơn vị có sản phẩm : **Cơ sở Phân bón Sài Gòn.**

* **Thành phần - Hàm lượng** : Chế phẩm dạng bột, thành phần là các muối đa, vi lượng, cụ thể :

N : 15% Mn : 500 ppm

P₂O₅ : 15% Bo : 1000 ppm

K₂O : 15% Cu : 500 ppm

Zn : 1.500 ppm Mo : 100 ppm

Mg : 1000 ppm

* **Kết quả khảo nghiệm** : Chế phẩm đã được Viện Khoa học Nông nghiệp MN, Viện Lúa ĐBSCL, Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Đồng Tháp Mười, Đại học Nông Lâm Huế, Đại học Cần Thơ, khảo nghiệm trên lúa, lạc, đậu xanh, rau (cải bẹ, xà lách, cà chua, đậu cove) và cây ăn trái trên đất phù sa, đỏ bazan, đất xám v.v... kết quả cho thấy phân Saigon Golden Harvest có tác dụng tốt, làm tăng năng suất lúa 5 - 10%; lạc tăng 4 - 6%; đậu xanh 14 - 19%; rau ăn lá tăng 41 - 43%; rau ăn trái 12 - 34%; cây ăn quả tăng 13 - 34%.

Nhà sản xuất khẳng định phân không gây hại với người, gia súc và môi trường.

* **Cách sử dụng** : Phân có thể dùng bón vào đất và phun lên lá. Dùng phun lên lá pha 1 gói (50g) với 4 bình (loại 8 lít). Phun 7 ngày/lần với các loại cây.



76. BIOCO (PSC 501)

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 1967/QĐ/BNN-KHCN, ngày 7/7/1998.**

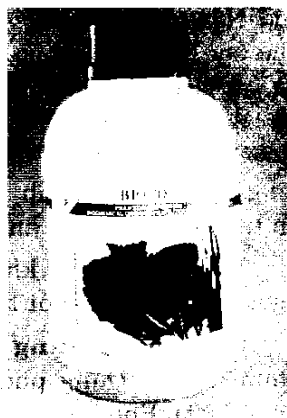
- Đơn vị có sản phẩm : **Công ty TNHH Phú Sơn.**

* **Thành phần - Hàm lượng :** Phân bón lá Bioco (PSC 501) có dạng lỏng, màu đen, chứa :

- | | | | |
|---------------|--------------|----|----------------------|
| - N tổng số | $\geq 7\%$ | Ca | $< 0,3\%$ |
| - K tổng số | $\geq 5,5\%$ | Cu | $> 2300 \text{ ppm}$ |
| - Mg | $> 0,8\%$ | Zn | $> 400 \text{ ppm}$ |
| - Lân hòa tan | $< 0,1\%$ | | |

* **Kết quả khảo nghiệm :** Chế phẩm được Viện Lúa DBSCL; Trường đại học Tây nguyên; Công ty Cao su Phước Hòa; Công ty Cao su Krongbuk khảo nghiệm trên lúa, bắp cải, đậu nành, cà phê, cao su trên đất phù sa, đất đỏ bazan, đất xám.

Kết quả phân bón lá Bioco (PSC 501) thể hiện rõ tác dụng, bổ sung dinh dưỡng cho cây, lúa tăng 6 - 12%, bắp lai tăng 10%, đậu nành tăng 9,8%, cà phê tăng 13,6%. Phân không gây độc hại cho người, gia súc và môi trường.



*** Cách sử dụng :**

Pha với nước theo tỷ lệ 1/200 - 1/500 phun đều lên toàn bộ cây chu kỳ 7 - 10 ngày/lần. Liều lượng định chuẩn sử dụng 1 lít Bioco cho 1 hecta (10.000 m²) cho 1 lần phun.



77. HVP-501.S

78. HVP-801.S

79. HVP-1601.WP

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 1967 QĐ/BNN-KHCN, ngày 7/7/1998.**

- Đơn vị có sản phẩm :
Công ty Dịch vụ Cây trồng Thủ Đức.



*** Thành phần - Hàm lượng :** Cả 3 loại phân bón lá đều là hợp chất đa, vi lượng, tan hoàn toàn trong nước, dạng lỏng, chứa :

	HVP-501.S	HVP-801.S	HVP-1601.WP
N	6 - 12%	8 - 12%	15%
P ₂ O ₅	5 - 9%	6 - 9%	30%
K ₂ O	4 - 7%	5 - 7%	15%
B	150 - 300 ppm	150 - 250 ppm	200 ppm
Zn	300 - 450 ppm	450 - 650 ppm	600 ppm
Mg	750 - 900 ppm	1000 - 1500 ppm	
Mo	3 - 20 ppm	5 - 10 ppm	8 ppm
Fe	3 - 20 ppm	1.000 - 1.500 ppm	1.200 ppm
Mn	400 - 600 ppm	400 - 600 ppm	500 ppm
Cu	150 - 300 ppm	550 - 750 ppm	700 ppm
Co	3 - 20 ppm	3 - 7 ppm	
Vitamin B ₁	> 100 ppm	> 150 ppm -	

Cả 3 loại đều chứa các chất Aminoaxit và chất điều hòa sinh trưởng.

*** Kết quả khảo nghiệm :** 3 sản phẩm đều được Viện KHNN MN, Viện Nghiên cứu Cây ăn quả MN, Trường đại học Nông lâm TP.HCM, Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao KT đất phân, và các Trung tâm khuyến nông Bến Tre, Sóc Trăng, Minh Hải, TP.HCM, Tiền Giang, Long An, Lâm Đồng, Kiên Giang khảo nghiệm trên nhiều cây như : lúa, đậu phộng, rau (dưa leo, cải xanh); cây ăn trái (nhãn, cam thanh long), đậu nành, bắp, trên các loại đất phù sa, đất đỏ bazan, đất xám, đất cát pha...

Kết quả : 3 loại phân bón lá đã thể hiện rõ nét tác dụng bổ sung dinh dưỡng.

+ HVP-501.S làm tăng năng suất lúa 11-15%, đậu phộng tăng 32%, cải cúc 33%, nhãn tăng 54%.

+ HVP-801.S làm tăng năng suất lúa 14%, đậu phộng 26,7%, dưa leo 10,7%, cam tăng 26%.

+ HVP-1601 WP làm tăng năng suất lúa 23,5%, đậu phộng 6,6 - 36,7%, cải xanh 38,8%, nhãn 18 - 39%, cam tăng 48%.

Nhà sản xuất khẳng định cả 3 chế phẩm không gây độc hại cho người, gia súc và môi trường.

*** Cách sử dụng :**

- HVP-501.S : Pha 25 ml thuốc trong 1 bình 8 lít nước, 4 - 5 bình/1000 m², phun đều cho cây. Với lúa, bắp phun 3 lần/vụ; Với đậu rau, củ các loại, định kỳ 7 - 10 ngày phun một lần. Với cây ăn trái cũng phun 7 - 10 ngày/lần, ngưng phun khi cây đang ra hoa.

- HVP-801.S : pha 20 ml thuốc trong 1 bình 8 lít nước. Các giai đoạn phun tương tự như HVP-501.S.

- HVP-1601 WP : 5g/bình 8 lít nước, phun khoảng 4 bình/1000 m².



80. KOMIX TS9

81. KOMIX BFC 201.S

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất theo Quyết định số 1967/QĐ/BNN-KHCN ngày 7/7/1998.

- Đơn vị có sản phẩm : Công ty Sinh hóa Nông nghiệp & Thương mại Thiên Sinh.

* Thành phần - Hàm lượng :



Cả 2 loại phân bón lá trên đều có dạng lỏng, màu nâu đen, triết xuất từ Humat, có chứa :

	KOMIX-TS9	KOMIX BFC-201.S
N (%)	3	3,5
P ₂ O ₅ (%)	8	7
K ₂ O (%)	2	2,3
Mg	500 ppm	800 ppm
Zn	200 ppm	200 ppm
Mn	0 ppm	100 ppm
B	50 ppm	0 pmm
Cu	0 ppm	100 ppm

*** Kết quả khảo nghiệm :** Các chế phẩm đều đã được Viện Lúa ĐBSCL, Viện nghiên cứu Cây ăn quả Miền Nam, các Trung tâm Khuyến nông Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre... khảo nghiệm trên nhiều loại cây trồng : lúa, bắp, đậu nành, xoài, sầu riêng, sori, cam, cà phê, trên nhiều loại đất : đất phù sa, đất xám, đất đỏ bazan...

Kết quả 2 loại đều thấy có tác dụng tốt trong việc bổ sung dinh dưỡng và làm tăng năng suất cây.

- Komix TS9 làm tăng năng suất lúa 10%; bắp lai 9,3%; đậu nành 15,3%; cam 10%; cà phê 10,4%.

- Komix BFC 201.S làm tăng năng suất lúa 12%; bắp lai 9,6%; đậu nành 16,7%; cà phê 10%; cây ăn trái trên 20%.

*** Cách sử dụng :**

- TS9 : Pha tỷ lệ 1/200, tức 2 nắp TS9 pha với 8 lít nước đối với tất cả các loại cây.

- Komix 201.S : Pha tỷ lệ 1/200 tức 4 nắp Komix 201.S pha với 8 lít nước, đối với tất cả các loại cây.

82. ROOTS-2

83. IRON ROOTS-2

84. AGRIPLEX FOR X (0-4-4)

85. 1-2-3 PREMIX (0-1,4-2)

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT, cho áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 1967/QĐ/BNN-KHCN, ngày 7-7-1998.**

- Đơn vị có sản phẩm : 4 chế phẩm phân bón lá Roots 2, Iron Roots 2; Agriplex for X (0-4-4) và 1-2-3 premix đều là sản phẩm của Công ty Lisa (Hoa Kỳ) được **Công ty TNHH Thiên Đức** nhập và đưa khảo nghiệm.

*** Thành phần - Hàm lượng :**

1. Roots-2 : Dạng lỏng, gồm các Humic từ than bùn, các chất chiết suất từ rong biển, Vitamin B₁, chất chuyển hóa trung gian, cụ thể :

Humic : 24%;

Myo-Inositol : 0,5%

Chất chiết từ rong biển : 30%; Glycine : 1%

Thiamine (B₁) : 0,3%

Vitamin E : 0,1%

Nước 41%

Vitamin C : 3,0%

2. Iron Roots 2 : là dạng phân bón lá sắt hữu cơ vi sinh (griplex Fe) và hỗn hợp chất hữu cơ thiên nhiên, cụ thể :

Humic 2,6%	Citratte phosphate : 50%
Chất chiết từ tảo bẹ : 22%	Dipotassium phosphate : 2%
Nước : 12,5%	Glycine : 0,9%
Vitamin B ₁ : 0,3%	Fe : 4%
Vitamin E : 0,1%	Vitamin C : 3%
P ₂ O ₅ : 2%	
K ₂ O : 4%	

3. Agriplex for X (0-4-4) : Dạng lỏng thành phần gồm :

- MgSO ₄ : 21%	Mg : 2%
- Acid citric : 10,3%	Zn (chelate) : 0,5%
- MnSO ₄ : 1,7%	ZnSO ₄ : 1,5%
- Fe (chelate) : 5,0%	Borate : 0,1%
- P ₂ O ₅ : 4,0%	Bo : 0,02%
- K ₂ O : 4,0%	Mn (chelate) : 0,5%
- S : 3,0%	Nước : 50%

4. 1-2-3 Premix (0-1,4-2) : Dạng lỏng, là sản phẩm phối hợp gồm :

Agriplex For-X : 16,7%;

Iron Roots 2 : 33,3%

Noburn (chất giữ ẩm) : 50% (chiết xuất từ cỏ Yucca Shichidigera)

P_2O_5 : 1,4%

K_2O : 2,0%

Fe (chelate) : 2,2%

Và một số nguyên tố trung, vi lượng : C, Mn, B, S, Mg...

* **Kết quả khảo nghiệm** : 4 loại phân bón lá trên được Cục Khuyến nông - Khuyến lâm, Viện Nghiên cứu Cây ăn quả miền Nam Phân viện Công nghệ sinh học, Viện Sinh học nhiệt đới, các Trung tâm khuyến nông TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bến Tre đưa khảo nghiệm trên lúa, rau (cải bắp, cải xanh, cà chua...), cây ăn trái (nhãn), trên các loại đất phù sa, đất vườn vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đất xám... Các kết quả cho thấy :

- Roots 2 làm tăng năng suất lúa 11,9%, bắp cải tăng 20,6%, xà lách tăng 9%, cải xanh tăng 10%, đặc biệt làm năng suất nhãn tăng rõ rệt.

- Các loại Iron Roots 2, Agriplex for-X (0-4-4) và 1-2-3 premix (0-1,4-2) đều làm tăng năng suất cây trồng, lúa tăng 9,96 - 12,83%, bắp cải tăng 15,3 - 36,6%, cà chua tăng trên 30%; nhãn tăng 18 - 31%.

Nhà sản xuất khẳng định các loại phân bón lá trên không độc hại với người, gia súc và môi trường.

* **Sử dụng** : Liều lượng với mỗi loại đều 8ml cho 1 bình 8 lít nước.

86. FOFER-909

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT, được áp dụng trong sản xuất, theo **Quyết định số 1967/QĐ/BNN-KHCN, ngày 7-7-1998.**

- Đơn vị có sản phẩm : **Cơ sở VAC Tiền Giang.**

*** Thành phần - Hàm lượng :** Phân bón lá Fofer 909 là sản phẩm được triết xuất từ than bùn, dạng lỏng, màu đen. Hàm lượng N = 12%; P_2O_5 4%; K_2O 4% và một số nguyên tố vi lượng Zn, Cu, Mn, Mg, Bo = 200 - 2000 ppm.

*** Kết quả khảo nghiệm :**

Chế phẩm được Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long, Viện Cây ăn quả miền Nam, và các Trung tâm Khuyến nông TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Long khảo nghiệm trên lúa, cà chua, nhãn, ổi, sori, trên đất vườn tại miền Tây nam Bộ và ven TP. Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy Fofer 909 có tác dụng bổ sung dinh dưỡng cho cây, làm tăng năng suất lúa 8 - 9%; cà chua 20 - 25%; nhãn tăng khoảng 30%; sori tăng 18%; với ổi hiệu quả không rõ.

- Nhà sản xuất khẳng định phân không độc hại với người, gia súc và môi trường.

87. CAPLUS

- Được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất chủ yếu cho cây trồng cạn theo **Quyết định số 2084/QĐ/BNN-KHCN, ngày 20-7-1998.**

- Đơn vị có sản phẩm : Caplus là phân bón lá của Công ty Otsuka Chemical Co. Ltd (Nhật Bản) sản xuất 1993, Công ty TNHH Mitsui nhập và đưa khảo nghiệm ở Việt Nam.

* **Thành phần** : Chế phẩm được điều chế trên cơ sở Chelate canxi và các thành phần chiết xuất từ thực vật, có dạng lỏng màu nâu sẫm. Thành phần chính là Ca : 8%, ngoài ra còn có urê, đường, các chất hữu cơ.

- * **Kết quả khảo nghiệm** : Chế phẩm được Viện Nông hóa thổ nhưỡng khảo nghiệm trên đậu tương, lạc, cà chua trên đất bạc màu và đất phù sa sông Hồng. Kết quả cho thấy Caplus có tác dụng chủ yếu là bổ sung sự thiếu hụt canxi cho cây, ngăn ngừa các rối loạn sinh lý do thiếu canxi gây ra, góp phần làm tăng năng suất lạc : 17,9 - 24,4%; đậu tương tăng 11,3 - 17,3%; cà chua tăng 12,1 - 22,1%.

* **Sử dụng** : Dùng 3 lit/ha, pha loãng 400 - 500 lần, phun 2 - 3 lần/vụ.

88. NVK 301

89. NVK 601

90. NVK 901

91. NVK 101

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT, được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp chủ yếu cho lúa và cây ngắn ngày, theo **Quyết định số 2084/QĐ/BNN-KHCN ngày 20/7/1998**.

- Đơn vị có sản phẩm : **Hợp tác xã Nguyên Ngọc - Quảng Ngãi** sản xuất theo qui trình công nghệ của Công ty Công nghệ Sài Gòn.

*** Thành phần - Hàm lượng :** Các loại NVK đều được sản xuất từ axit humic, NPK từ các hóa chất có độ tinh khiết cao (khí NH_3 , KOH , H_3PO_4 , H_2SO_4), một số nguyên tố trung, vi lượng dưới dạng chelate và chất kích thích sinh trưởng NAA. Các chế phẩm đều có dạng lỏng, tan trong nước. Trừ NVK 101 có màu vàng đỏ, các dạng khác có màu nâu sẫm.

Hàm lượng : loại	Axit humic (%)	N (%)	P_2O_5 (%)	K_2O (%)	NAA (ppm)	Vi lượng (ppm)
NVK 301	0,1	1,5	1,5	1,5		B, Mo, Mg, Cu, Mn, Zn > 200
NVK 601	0,1	6	5	3		B, Mo, Mg, Cu, Fe, Zn > 2000
NVK 901	0,1	4	4	3		B, Mo, Mn, Cu, Fe, Zn > 1000
NVK 101		0,5	0,5		4000	B, Mo, Cu, Co, Mn, Zn > 300

* **Kết quả khảo nghiệm** : Các loại NVK được Trung tâm khảo nghiệm Giống cây trồng Trung ương khảo nghiệm trên lúa, lạc, đậu đỗ trên đất phù sa, đất bạc màu. Kết quả cả 5 loại đều làm tăng năng suất cây trồng.

- NVK 301 làm tăng năng suất lúa 13 - 14%; lạc 18%; đậu nành 9%

- NVK 601 làm tăng năng suất lúa 9%; lạc 8%; đậu nành 13%

- NVK 901 làm tăng năng suất lúa 8 - 9%; lạc 9%; đậu nành 21%

- NVK 101 làm tăng năng suất lúa 16%; lạc 16%; đậu nành 17%

92. BORTRAC

93. ZINTRAC

94. SENIPHOS

95. HYDROPHOS

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT cho phép áp dụng trong sản xuất, theo **Quyết định số 2929 QĐ/BNN-KHCN ngày 31/10/1998**.

- Đơn vị có sản phẩm : Là sản phẩm của Hãng Phosyn (Anh), **Công ty Map-Pacific** nhập và phân phối tại Việt Nam.

* **Thành phần - Hàm lượng** :

- Bortrac : Dạng lỏng màu vàng, chế phẩm dưới dạng Boron ethanolamine, chứa 10,9% Bo (150 g/lít).

- Zintrac : Dạng lỏng, màu trắng sữa. Chế phẩm dưới dạng Zine oxide, chứa 40% Zn (700 g Zn/lít).

- Seniphos : Dạng lỏng, màu vàng nâu. Chứa 3% N (1% nitrat nitrogen; 2% Animonium nitrogen); 23,6% P_2O_5 (310 g P_2O_5 /lít); 3% Ca (40 g Ca/lít); 4,3% CaO.

- Hydrophos (Magphos K) : Dạng lỏng, màu đỏ dây tây, chứa 29,7% P_2O_5 (440 g P_2O_5 /lít); 5% K_2O (74 g K_2O /lít); 4% Mg (60 g/lít).

* **Kết quả khảo nghiệm** : Các loại phân bón lá trên đều đã được Viện Nghiên cứu Cây ăn quả MN, Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (Viện KHNN Miền Nam); Viện Nghiên cứu Cà phê khảo nghiệm trên cây ăn trái, bắp, cà chua cà phê, trên nền đất phù sa Sông Cửu Long, đất đỏ bazan. Kết quả :

- Botrac : làm tăng tỷ lệ đậu quả, tăng năng suất nhãn : 74,1%; Cam 69,2%; cà chua 15,8%.

- Zintrac : có hiệu quả rõ rệt với bắp, cây ăn trái, cây công nghiệp, bắp tăng suất 34,2%; nhãn tăng 28,7%; cam : 22,9%; tiêu 22,4%.

- Seniphos : Giúp nâng cao chất lượng nông sản song song với việc cải thiện đáng kể năng suất, năng suất cà chua tăng 40,2%; nhãn 31,0%; tiêu 22,4%, cam 10,2%.

- Hydrophos : cho kết quả rõ rệt với cây ăn trái, cây có củ, làm tăng năng suất : tiêu 32,5%; nhãn 25%; cam 7,2%. Nhà sản xuất khẳng định cả 4 loại chế phẩm đều không độc hại với người, gia súc và môi trường.

96. FUTONIC

97. MĐ-01

98. MĐ-95

99. TS-96

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là TBKT, cho phép áp dụng trong sản xuất theo **Quyết định số 2929 QĐ/BNN-KHCN ngày 31/10/1998.**

- Đơn vị có sản phẩm : **Công ty TNHH Minh Đức.**

*** Thành phần - Hàm lượng :**

- Futonic dạng lỏng, màu xanh lá cây, chứa 10% N; 7% P_2O_5 ; 5% K_2O ; 1,5% Cu; 0,5% Zn; 0,7% Bo; 1,5% Mg; 10% Fe; 1% S; 0,5% Mn; 0,003% Mo.

- MĐ-01 : dạng bột màu xanh trắng, chứa 11,5% N; 1,025% K_2O ; 4,52% Cu; 4,7% Zn; 1,15% Bo; axit humic - 100 ppm.

- MĐ-95 : dạng bột màu trắng đục, chứa 8,3% N; 2,28% P_2O_5 ; 3,13% K_2O ; 6,21% Cu; 3,42% Zn; 0,82% Bo.

- TS-96 : dạng bột màu xanh gồm, chứa 0,6% N; 7,2% Cu; 3,0% Zn; 0,62% Bo; 4% Ca; 2% Mg; 0,2% Streptomisine.

*** Kết quả khảo nghiệm :** Toàn bộ 4 loại phân bón lá này đã được Viện Nông hóa thổ nhưỡng khảo nghiệm trên lúa, cà chua, bắp cải, cam ở một số tỉnh ĐB Sông Hồng và Hòa Bình.

- Với lúa chúng làm tăng năng suất 9 - 2%; trong đó Futonic cho hiệu quả cao nhất.
- Cà chua : chúng đều làm tăng năng suất 12,5 - 15,7%.
- Bắp cải : tăng năng suất 8,8 - 16,7%.
- Cam : tăng năng suất, giảm tỷ lệ rụng quả.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về :

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

D14 - Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

ĐT : 8523887, 8525070, 8521940

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

58 Nguyễn Bình Khiêm - TP. Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm xuất bản :

LÊ VĂN THỊNH

Phụ trách bản thảo :

ĐỖ TỪ

In 1015 cuốn, khổ 13 x 19cm, tại Nhà máy in Nông nghiệp và PTNT.
Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch số 102/448 Cục xuất bản cấp
ngày 2-6-1999. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 1999